

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 12/2025)



MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

- 07. TCVN 14177 quản lý dữ liệu xuyên suốt vòng đời công trình
- 08. TCVN 14507:2025 đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong đô thị thông minh
- 09. Tiêu chuẩn tích hợp công cụ cải tiến: Hướng đi bền vững cho doanh nghiệp
- 10. TCVN 14505:2025 - nền tảng đo lường phát triển bền vững cho các đô thị
- 11. Tiêu chuẩn mới nâng cao độ chính xác phân tích thép hợp kim thấp
- 12. TCVN 14507:2025: Chuẩn hóa kiến trúc nền tảng số cho đô thị thông minh
- 13. Doanh nghiệp là trung tâm nâng cao năng suất và chất lượng quốc gia
- 14. Gần 5 triệu lượt phương tiện đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
- 16. Siết chặt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật cho ngành hàng hải
- 17. Quy chuẩn QCVN 26:2025/BCT – Nền tảng an toàn và chất lượng cho hệ thống lưới điện Việt Nam
- 19. ISO 10993-1:2025: Nền tảng bảo đảm an toàn sinh học cho thiết bị y tế trong chuỗi chăm sóc sức khỏe hiện đại
- 20. ISO/IEC 27566: Đề cao vấn đề an toàn và quyền riêng tư của trẻ em trong không gian mạng
- 21. Giảm thiểu rác thải điện tử toàn cầu: Thách thức và giải pháp từ cộng đồng tiêu chuẩn quốc tế
- 23. Đà Nẵng đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong thời gian tới
- 24. Hoàn thiện quy tắc xuất xứ nội địa: Bảo vệ doanh nghiệp Việt và người tiêu dùng
- 25. Xây dựng và công bố thêm các tiêu chuẩn về sản phẩm, hàng hóa trọng điểm, chủ lực
- 26. Hoàn thiện tiêu chuẩn an ninh mạng để theo kịp thực tiễn số hóa

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

28. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 12/2025

❖ **BỘ XÂY DỰNG**

Ngày 09/12/2025, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 42/2025/TT-BXD về việc ban hành Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.



Ban hành kèm theo Thông tư này Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

- a. Sửa đổi 1:2025 QCVN 07-1:2023/BXD - Công trình cấp nước.
- b. Sửa đổi 1:2025 QCVN 07-9:2023/BXD - Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

Các nội dung không được nêu tại Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD được ban hành kèm theo Thông tư này thì tiếp tục áp dụng theo QCVN 07:2023/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Thông tư quy định các nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm sự đồng bộ, an toàn và phù hợp với thực tiễn đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đây là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất quy chuẩn trong hoạt động quy hoạch, thiết kế và xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

Thông tư số 42/2025/TT-BXD là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng thống nhất quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động quy hoạch, thiết kế, xây

dựng và quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng công trình và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2026./.

Quy định chuyển tiếp: Dự án đầu tư xây dựng liên quan đến quy định tại Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD được ban hành kèm theo Thông tư này đã được phê duyệt trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm được phê duyệt; người quyết định đầu tư được quyền lựa chọn quyết định áp dụng theo Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD được ban hành kèm theo Thông tư này.

Ngày 09/12/2025, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 44/2025/TT-BXD về việc ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt.

Ban hành kèm theo Thông tư này:

- a. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tín hiệu giao thông đường sắt, số hiệu QCVN 21:2025/BXD.
- b. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khai thác đường sắt, số hiệu QCVN 22:2025/BXD.
- c. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phương tiện giao thông đường sắt trong kiểm tra định kỳ, hoán cải, nhập khẩu đã qua sử dụng, số hiệu 23:2025/BXD;
- d. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Đầu máy Đielzen, phương tiện chuyên dùng tự hành trong kiểm tra sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới, số hiệu 24:2025/BXD.
- e. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Toa xe, phương tiện chuyên dùng không tự hành trong kiểm tra sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới, số hiệu 25:2025/BXD.
- f. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá chuyển hướng của đầu máy, toa xe, số hiệu 26:2025/BXD.
- g. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bộ móc nối, đỡ đấm của đầu máy, toa xe, số hiệu 27:2025/BXD.
- h. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Van hãm của đầu máy, toa xe, số hiệu 28:2025/BXD.

Thông tư ban hành hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) nhằm quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc đối với hoạt động quy hoạch, thiết kế, xây dựng, cải tạo, quản lý và khai thác công trình đường sắt, bảo đảm an toàn, đồng bộ và hiệu quả trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 24/2015/TT-BGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt – Giá chuyển hướng toa xe – Yêu cầu kỹ thuật;

b) Thông tư số 32/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt;

c) Thông tư số 04/2023/TT-BGTVT ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về linh kiện, thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt;

d) Thông tư số 30/2023/TT-BGTVT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt./.

❖ BỘ NÔNG NGHIỆP

Trong tháng 12 năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025 quy định Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Thông tư là văn bản pháp lý quan trọng, làm căn cứ cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, góp phần bảo đảm an toàn cho sản xuất nông nghiệp,



sức khỏe con người và bảo vệ môi trường. Theo quy định, các tổ chức, cá nhân liên quan chỉ được phép lưu hành, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thuộc Danh mục được phép và nghiêm cấm sử dụng các loại thuốc thuộc Danh mục cấm ban hành kèm theo Thông tư.

Việc ban hành Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT nhằm cập nhật, chuẩn hóa Danh mục thuốc bảo vệ thực vật theo yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới, đồng thời đáp ứng các cam kết và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường.

❖ BỘ CÔNG THƯƠNG

Ngày 02/12/2025, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 59/2025/TT-BCT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện.

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy điện.

Ký hiệu: QCVN 27:2025/BCT.

Thông tư quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng đối với khảo sát, thiết kế, xây dựng, lắp đặt, vận hành và quản lý công trình thủy điện, nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn vận hành hệ thống điện và phòng ngừa rủi ro trong quá trình khai thác. Quy chuẩn được ban hành là cơ sở kỹ thuật thống nhất để quản lý các công trình thủy điện trong phạm vi cả nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Ngày 13/11/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 29/2025/TT-BKHHCN quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông (nhóm 2).



Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 31/12/2025.

Thông tư này thay thế Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT, đồng thời làm căn cứ pháp lý để quản lý chất lượng, an toàn đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Theo quy định, các sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục ban hành kèm theo Thông tư bắt buộc phải thực hiện chứng nhận hợp quy và/hoặc công bố hợp quy theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng trước khi lưu thông trên thị trường.

Việc ban hành Thông tư 29/2025/TT-BKHHCN góp phần tăng cường quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn cho người sử dụng, đồng thời đồng bộ hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong bối cảnh chuyển giao chức năng quản lý lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông về Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Ngày 25/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 48/2025/TT-BKHHCN hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Thông tư được ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên Internet, bao gồm tên miền, địa chỉ Internet và các tài nguyên liên quan khác. Nội dung Thông tư tập trung hướng dẫn nguyên tắc quản lý, phạm vi sử dụng, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác tài nguyên Internet bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm và an toàn thông tin.

Thông tư số 48/2025/TT-BKHHCN là cơ sở để các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất công tác quản lý tài nguyên Internet, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số và chuyển đổi số quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026. Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này:

a) Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

b) Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015./.

Ngày 30/11/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 42/2025/TT-BKHHCN quy định về việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.

Thông tư này quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trung tâm dữ liệu trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành, khai thác tại Việt Nam.

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan nhà nước đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan) và doanh nghiệp đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp), các cơ

quan, tổ chức đánh giá, chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước liên quan.



Thông tư này không áp dụng đối với doanh nghiệp đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu điện toán biên nhỏ.

Việc ban hành Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho hạ tầng dữ liệu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026. Các Thông tư sau hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;

b) Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.

Bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật sau:

Bãi bỏ Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 23/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp

luật do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc liên tịch ban hành.

- Đối với các trung tâm dữ liệu chưa được phê duyệt thiết kế tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành phải tuân thủ các quy định của Thông tư này.

- Đối với các trung tâm dữ liệu đã được phê duyệt thiết kế trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp rà soát đánh giá việc áp dụng các quy định tại Thông tư này;

Trước khi đưa trung tâm dữ liệu vào vận hành, doanh nghiệp tự đánh giá và báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư này; đồng thời đăng tải công khai thông tin về kết quả tự đánh giá sự phù hợp của trung tâm dữ liệu trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

- Đối với các trung tâm dữ liệu tại khoản 5 Điều này, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư này trong quá trình sửa đổi, cải tạo, nâng cấp trung tâm dữ liệu và thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu theo quy định trong trường hợp đạt được sự tuân thủ./.

➤ **Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia:**

Quyết định số 3370/QĐ-BKHCN (27/10/2025):

1. **TCVN 14552-1:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt và tấm đỡ bằng bê tông cho đường ray – Phần 1: Yêu cầu chung,
2. **TCVN 14552-2:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt và tấm đỡ bằng bê tông cho đường ray – Phần 2: Tà vẹt dự ứng lực một khối,
3. **TCVN 14553-1:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hỏ bằng composite polyme – Phần 1: Đặc tính vật liệu,
4. **TCVN 14553-2:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hỏ bằng

composite polyme – Phần 2: Thử nghiệm sản phẩm,

5. **TCVN 14553-3:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tà vệt, tấm đỡ và tà vệt trên mặt cầu hở bằng composite polyme – Phần 3: Yêu cầu chung,

6. **TCVN 14558-1:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 1: Từ vựng,

7. **TCVN 14558-2:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 2: Phương pháp thử lực cản dọc ray,

8. **TCVN 14558-3:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 3: Phương pháp thử lực chống nhổ lõi,

9. **TCVN 14558-4:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 4: Phương pháp thử khả năng chịu tải trọng lặp,

10. **TCVN 14558-5:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 5: Phương pháp thử điện trở,

11. **TCVN 14558-6:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 6: Phương pháp thử khả năng chống chịu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt,

12. **TCVN 14558-7:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 7: Phương pháp thử lực kẹp và độ cứng chống nhỏ,

13. **TCVN 14558-8:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 8: Phương pháp thử độ cứng theo phương thẳng đứng,

14. **TCVN 14559-1:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Hàn ray – Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử,

15. **TCVN 14560-1:2025**, Kết cấu hạ tầng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá,

16. **TCVN 14561-1:2025**, Ứng dụng đường sắt – Chất lượng hình học đường ray – Phần 1: Đặc trưng hình học đường ray và chất lượng hình học đường ray,

17. **TCVN 14562:2025**, Ứng dụng đường sắt – Hệ thống hãm – Chất lượng khí nén cho các thiết bị và hệ thống khí nén,

18. **TCVN 14563:2025**, Ứng dụng đường sắt – Hệ thống hãm – Yêu cầu chung,

19. **TCVN 14564:2025**, Ứng dụng đường sắt – Hệ thống hãm – Từ vựng chung,

20. **TCVN 14565-1:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tính toán hiệu năng hãm (hãm dừng, hãm giảm tốc và hãm khi đứng yên) – Phần 1: Thuật toán tổng quát sử dụng phương pháp tính giá trị trung bình,

21. **TCVN 14565-2:2025**, Ứng dụng đường sắt – Tính toán hiệu năng hãm (hãm dừng, hãm giảm tốc và hãm khi đứng yên) – Phần 2: Các thuật toán tổng quát sử dụng phương pháp tính toán từng bước,

22. **TCVN 14566:2025**, Ứng dụng đường sắt – Từ vựng về an toàn cháy cho phương tiện giao thông đường sắt,

23. **TCVN 14567:2025**, Ứng dụng đường sắt – Hệ thống quản lý chất lượng đường sắt – **TCVN ISO 9001:2015** và các yêu cầu cụ thể để áp dụng trong lĩnh vực đường sắt,

24. **TCVN 14568:2025**, Ứng dụng đường sắt – Khái niệm và yêu cầu cơ bản đối với việc lập kế hoạch vận hành đường sắt trong trường hợp động đất,

Quyết định số 3370/QĐ-BKHCN (27/10/2025):

1. **TCVN 14488-1:2025**, Ngân hàng lõi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 1: Khuôn khổ chung,

2. **TCVN 14488-2:2025**, Ngân hàng lõi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 2: Bảo mật và bảo vệ dữ liệu cho các dịch vụ tài chính di động,

3. **TCVN 14488-3:2025**, Ngân hàng lõi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 3: Quản lý vòng đời ứng dụng tài chính,

4. **TCVN 14488-4:2025**, Ngân hàng lõi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 4: Thanh toán di động cho cá nhân,

5. **TCVN 14488-5:2025**, Ngân hàng lõi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 5: Thanh toán di động cho doanh nghiệp./.

TCVN 14177 QUẢN LÝ DỮ LIỆU XUYỀN SUỐT VÒNG ĐỜI CÔNG TRÌNH

Trong bối cảnh ngành xây dựng ngày càng đối mặt với khối lượng dữ liệu khổng lồ và phức tạp, bộ tiêu chuẩn mới mang tên TCVN 14177 đã được công bố nhằm hướng dẫn cách quản lý dữ liệu trong suốt vòng đời công trình một cách khoa học và hiệu quả. Bộ tiêu chuẩn này không chỉ hỗ trợ các bên tham gia dự án nâng cao hiệu quả thiết kế, thi công và vận hành mà còn tăng cường phối hợp, giảm rủi ro, tối ưu chi phí và hướng tới chuẩn hóa quy trình số hóa thông tin công trình tại Việt Nam.



TCVN 14177:2024 gồm hai phần chính: TCVN 14177-1:2024 - quy định khái niệm, nguyên tắc quản lý thông tin khi sử dụng mô hình hóa thông tin công trình (BIM); TCVN 14177-2:2024 - quy định yêu cầu quản lý thông tin trong giai đoạn chuyển giao tài sản từ nhà thầu sang chủ đầu tư/đơn vị khai thác. Bộ tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên tham chiếu quốc tế, cụ thể là ISO 19650, nhằm phù hợp thực tiễn triển khai BIM trong nước, đồng thời tạo sự liên kết chặt chẽ với các tiêu chuẩn quản lý dự án và tài sản khác.

Giải pháp cho thách thức dữ liệu xây dựng

Trong quá trình triển khai các dự án xây dựng, lượng thông tin liên quan đến thiết kế, bản vẽ, hợp đồng, hồ sơ vận hành, bảo trì và các dữ liệu kỹ thuật khác thường được lưu trữ rải rác, không đồng nhất giữa các bên. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc tra cứu, cập nhật

và kiểm soát chất lượng thông tin, gây lãng phí thời gian, tài nguyên và tiềm ẩn rủi ro sai sót kỹ thuật hoặc tranh chấp giữa các bên.

TCVN 14177 ra đời nhằm giải quyết thách thức này thông qua việc áp dụng Mô hình hóa thông tin công trình (BIM) - phương pháp số hóa toàn bộ dữ liệu dự án vào mô hình kỹ thuật số 3D, liên kết với dữ liệu kỹ thuật, tài chính và vận hành. BIM cho phép tất cả các bên - từ chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công đến đơn vị vận hành - truy cập thông tin đồng bộ, giảm sai sót, tối ưu quy trình công việc và nâng cao hiệu quả quản lý.

Nguyên tắc quản lý

Theo TCVN 14177-1:2024, quản lý thông tin BIM đòi hỏi một số nguyên tắc cơ bản. Trước hết, yêu cầu thông tin dự án cần được xác định ngay từ đầu, bao gồm loại dữ liệu cần thu thập, mức độ chi tiết, định dạng và mục đích sử dụng. Việc này giúp các bên hiểu rõ dữ liệu nào là bắt buộc, dữ liệu nào tùy chọn, cũng như cách sử dụng trong từng giai đoạn của dự án.

Tiêu chuẩn cũng khuyến khích việc thiết lập môi trường dữ liệu chung - nơi lưu trữ, chia sẻ và cập nhật tất cả dữ liệu dự án một cách tập trung và an toàn. CDE cho phép các đối tác làm việc trên cùng một phiên bản dữ liệu, hạn chế sai lệch thông tin, tăng tính minh bạch và giảm thiểu rủi ro do dữ liệu bị “đóng băng” tại các hệ thống riêng lẻ.

Ngoài ra, TCVN 14177 quy định rõ việc phân quyền, kiểm soát chất lượng và theo dõi lịch sử chỉnh sửa dữ liệu, từ khi tạo lập đến khi phê duyệt và chuyển giao. Điều này không chỉ giúp truy xuất nguồn gốc dữ liệu khi cần thiết mà còn đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm trong toàn bộ quá trình sản xuất, thiết kế và vận hành công trình.

Tính ứng dụng và lợi ích lâu dài

Một điểm nổi bật của TCVN 14177 là áp dụng cho toàn bộ vòng đời công trình, từ giai đoạn xác định chủ trương đầu tư, thiết kế, thi

công, đến vận hành, bảo trì và phá dỡ. Tiêu chuẩn này phù hợp với mọi quy mô và mức độ phức tạp của dự án, từ những tòa nhà đơn lẻ đến các công trình hạ tầng phức tạp.

Việc áp dụng tiêu chuẩn giúp giảm rủi ro, nâng cao tính minh bạch trong quản lý thông tin, tiết kiệm chi phí và thời gian cho các bên

tham gia dự án. Đồng thời, nó tạo tiền đề quan trọng để ngành xây dựng Việt Nam tiếp cận các phương pháp quản lý công trình hiện đại, hướng tới Digital Twin - bản sao số của công trình trong môi trường số./.

0

TCVN 14507:2025 ĐÁNH GIÁ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, TCVN 14507:2025 - tiêu chuẩn quốc gia về công nghệ thông tin: Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh - Dữ liệu và dịch vụ nhằm tạo ra một công cụ chuẩn để đánh giá mức độ áp dụng và hiệu quả của công nghệ thông tin và truyền thông trong các đô thị thông minh.



Đô thị thông minh là khái niệm không còn quá xa lạ với nhà quản lý và chuyên gia, nhưng làm thế nào để đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong hoạt động của một đô thị vẫn là thách thức lớn. TCVN 14507:2025 ra đời nhằm lấp vào “khoảng trống” này, thiết lập một bộ chỉ số toàn diện giúp các địa phương, nhà quản lý và tổ chức đánh giá hoạt động công nghệ số một cách có hệ thống.

Khung đánh giá toàn diện về ICT

Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên ISO/IEC 24039:2022 - một tiêu chuẩn quốc tế

về kiến trúc nền tảng số đô thị thông minh và được Việt Nam tiếp nhận trực tiếp thành TCVN.

Theo đó, TCVN 14507:2025 định nghĩa một bộ chỉ số đánh giá có thể áp dụng không chỉ để đo lường mức độ sẵn sàng về công nghệ thông tin của đô thị trước khi xây dựng thành phố thông minh mà còn để theo dõi, so sánh và đánh giá hiệu quả ứng dụng ICT sau khi triển khai.

Tiêu chuẩn thiết lập khung chung cho các chỉ số, đi kèm với tên gọi, mô tả và phương pháp đo lường cụ thể cho từng chỉ số. Những chỉ số này không chỉ đo lường các yếu tố kỹ thuật như hạ tầng số, hệ thống dữ liệu, giao diện ứng dụng mà còn tập trung vào kết quả ứng dụng thực tiễn như mức độ tương tác dữ liệu giữa các hệ thống, khả năng cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản lý đô thị tổng thể.

Hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững

Việc xây dựng hệ thống chỉ số ICT theo tiêu chuẩn này còn góp phần hỗ trợ Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, khi đô thị thông minh không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn phải hướng đến tăng trưởng kinh tế - xã hội - môi trường một cách bền vững.

Chẳng hạn, các chỉ số có thể đo lường hiệu quả quản lý giao thông, năng lượng, chất lượng không khí, an ninh thông tin và mức độ hài lòng của người dân về các dịch vụ số.

Ngoài ra, TCVN 14507:2025 đưa ra nhóm nguyên tắc thiết kế chỉ số rất rõ ràng: Rõ ràng,

để đo lường và không mơ hồ; Phản ánh đúng bản chất và mục tiêu của đô thị thông minh; Tập trung vào trải nghiệm và lợi ích của người dân; Có thể thu thập dữ liệu khách quan, liên tục cập nhật theo thực tế phát triển đô thị.

Ứng dụng linh hoạt, hướng tới thực tế đô thị Việt Nam

Một điểm nổi bật của tiêu chuẩn là tính linh hoạt và toàn diện, cho phép áp dụng cho các khu đô thị, thành phố lớn - nhỏ, thậm chí trong từng lĩnh vực cụ thể (như giao thông, y tế, môi trường). Các tổ chức quản lý đô thị có

thể tự đánh giá để xây dựng chiến lược ICT phù hợp, còn các cơ quan đánh giá độc lập và tổ chức nghiên cứu có thể sử dụng tiêu chuẩn này làm cơ sở phát triển các sáng kiến đánh giá tiếp theo.

Với việc TCVN 14507:2025 tương thích quốc tế và phù hợp với xu hướng tiêu chuẩn hóa trong đô thị thông minh, tiêu chuẩn này được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam xây dựng các đô thị thông minh hiệu quả hơn, đồng bộ hơn và hội nhập tốt hơn với các đô thị trên thế giới./.

0

**TIÊU CHUẨN TÍCH HỢP CÔNG CỤ CẢI TIẾN:
HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG CHO DOANH NGHIỆP**

Việc áp dụng và tích hợp các tiêu chuẩn ISO với công cụ cải tiến giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, từ đó tạo nền tảng cho phát triển bền vững.



Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, chi phí đầu vào tăng cao và yêu cầu của khách hàng về chất lượng, môi trường, an toàn ngày càng khắt khe, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động chuyển đổi phương thức quản trị, lấy năng suất chất lượng làm trọng tâm. Thay vì áp dụng đơn lẻ từng tiêu chuẩn hay công cụ, xu hướng tích hợp đang chứng minh ưu thế vượt trội.

Tại Công ty Cổ phần CRC Solar Cell, doanh nghiệp chuyên sản xuất tấm pin năng lượng

mặt trời đã triển khai đồng thời ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và công cụ cải tiến Kaizen. Việc chuẩn hóa quy trình theo ISO 9001 giúp kiểm soát chặt chẽ chất lượng từ khâu đầu vào đến lắp ráp, bàn giao sản phẩm, trong khi ISO 14001 hỗ trợ doanh nghiệp quản lý tốt hơn các khía cạnh môi trường phát sinh trong sản xuất. Trên nền tảng đó, Kaizen được áp dụng như một “chất xúc tác”, khuyến khích người lao động tham gia đề xuất sáng kiến cải tiến từ những công việc nhỏ nhất.

Kết quả đạt được cho thấy hiệu quả rõ rệt: tỷ lệ sản phẩm lỗi giảm, lượng rác thải được thu hồi tái chế tăng lên so với tổng lượng rác phát sinh, nhiều dạng lãng phí trong sản xuất được nhận diện và loại bỏ. Nhờ đó, hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu được nâng cao, góp phần giảm chi phí và cải thiện hình ảnh doanh nghiệp.

Tương tự, tại Công ty TNHH Dệt Phú Thọ, doanh nghiệp chuyên sản xuất sợi đã lựa chọn mô hình nâng cao năng suất tổng thể với cách tiếp cận tích hợp nhiều công cụ và tiêu chuẩn: 5S, LEAN, TPM, ISO 9001 và ISO 14001. Đây là mô hình đòi hỏi sự cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo và sự tham gia đồng bộ của toàn bộ hệ thống.

Thông qua 5S, môi trường làm việc được sắp xếp ngăn nắp, khoa học, tạo nền tảng cho các hoạt động cải tiến sâu hơn. LEAN giúp doanh nghiệp nhận diện và loại bỏ các công đoạn không tạo giá trị gia tăng, trong khi TPM nâng cao độ tin cậy của thiết bị, giảm thời gian dừng máy. ISO 9001 và ISO 14001 đóng vai trò khung quản lý, bảo đảm các hoạt động cải tiến được thực hiện có hệ thống và kiểm soát.

Nhờ triển khai đồng bộ, năng suất lao động tại Dệt Phú Thọ tăng 15%, khả năng sinh lợi tăng 7%, đặc biệt tỷ lệ giao hàng đúng hạn duy trì ở mức 100% mỗi tháng. Những con số này cho thấy việc tích hợp không chỉ cải thiện nội bộ mà còn trực tiếp nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng và uy tín trên thị trường.

Trong khi đó, Công ty TNHH Chi Lê, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh ống nhựa lõi cốt bọt, lại lựa chọn hướng đi kết hợp các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 cùng công cụ cải tiến 5S.

Sau quá trình triển khai, Chi Lê đã xây dựng hoàn chỉnh bộ tài liệu tích hợp gồm 20

quy trình và một sổ tay quản lý chung. 100% vật dụng, hồ sơ trong phạm vi áp dụng 5S được sắp xếp và lưu trữ khoa học, giúp việc tìm kiếm và truy cập thông tin nhanh chóng, giảm đáng kể thời gian chờ đợi và sai sót. Toàn bộ khu vực văn phòng được thực hiện đúng quy định 5S; các khu vực sản xuất được kẻ vạch phân khu rõ ràng, treo đầy đủ khẩu hiệu và bảng hiệu nhận biết, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ và an toàn lao động.

Các chuyên gia đánh giá, việc áp dụng và tích hợp các tiêu chuẩn ISO với công cụ cải tiến tạo nền tảng cho phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Khi hệ thống quản lý được chuẩn hóa, cải tiến được duy trì liên tục và người lao động được đặt ở vị trí trung tâm, doanh nghiệp sẽ từng bước nâng cao năng suất, giảm lãng phí, cải thiện hiệu quả kinh doanh và gia tăng năng lực cạnh tranh trong dài hạn. Đây cũng chính là hướng đi phù hợp cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu rộng hiện nay./.

0

TCVN 14505:2025 - NỀN TẢNG ĐO LƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO CÁC ĐÔ THỊ

TCVN 14505:2025 được ban hành nhằm quy định, thiết lập các định nghĩa và phương pháp luận đối với bộ chỉ số nhằm cung cấp thông tin về hồ sơ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị.



Hiện nay, yêu cầu phát triển đô thị bền vững đang trở thành xu thế tất yếu, đòi hỏi các

đô thị không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sống và hiệu quả quản trị.

Theo đó, TCVN 14505:2025 về Đô thị và cộng đồng bền vững - Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị, đã được ban hành, nhằm quy định, thiết lập các định nghĩa và phương pháp luận đối với bộ chỉ số nhằm cung cấp thông tin về hồ sơ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị.

Môi trường - quản lý tài nguyên và ứng phó biến đổi khí hậu

Nhóm chỉ số môi trường trong khung ESG tập trung đánh giá cách thức đô thị quản lý và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên, cũng như năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Các chỉ số cho phép đo lường mức tiêu thụ năng lượng, hiệu quả sử dụng tài nguyên, tình trạng phát sinh -

xử lý - tái chế chất thải, cũng như các loại hình sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh đó, bộ chỉ số môi trường còn xem xét những vấn đề then chốt như ô nhiễm, phát thải khí nhà kính (GHG), đa dạng sinh học, hiện tượng khí hậu cực đoan và tác động của vật liệu, chất thải đối với môi trường. Nhờ có hệ thống chỉ số định lượng, đô thị có thể đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và phục hồi trước các cú sốc do biến đổi khí hậu gây ra.

Một điểm đáng chú ý là các chỉ số môi trường giúp làm rõ mối liên hệ giữa sử dụng đất, quy hoạch đô thị với tính bền vững môi trường thông qua đánh giá phát thải, chất lượng không khí và tác động của hạ tầng. Qua đó, đô thị có cơ sở khoa học để điều chỉnh quy hoạch và đầu tư theo hướng thân thiện hơn với môi trường tự nhiên.

Xã hội - nâng cao chất lượng sống

Đối với trụ cột xã hội, các chỉ số ESG phản ánh mức độ người dân được tiếp cận các dịch vụ thiết yếu nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi. Trọng tâm của nhóm chỉ số này là khả năng tiếp cận và chất lượng của hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ an toàn công cộng, cũng như năng lực của các lực lượng ứng phó khẩn cấp.

Bộ chỉ số cũng đo lường khả năng tiếp cận các dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng sống như nhà ở, giao thông, hạ tầng xã hội và các

tiện ích công cộng. Đồng thời, các chỉ số xã hội đánh giá khả năng của cá nhân và cộng đồng trong việc tiếp cận giáo dục, đào tạo kỹ năng, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phúc lợi bền vững.

Quản trị - minh bạch, hiệu quả và hướng tới tương lai

Nhóm chỉ số quản trị trong khung ESG giúp đánh giá năng lực của chính quyền đô thị trong việc cung cấp dịch vụ công, quản lý tài chính và xây dựng mô hình quản trị minh bạch, công bằng, bao trùm. Các chỉ số này xem xét hạ tầng vật lý, xã hội và hạ tầng số phục vụ quản lý, cũng như mức độ an toàn, hiệu quả của các hệ thống và dịch vụ chính quyền.

Đặc biệt, các chỉ số quản trị còn giúp nhận diện những rào cản đối với quản trị hiệu quả và quyền công dân, từ đó hỗ trợ đô thị xây dựng các chính sách phù hợp nhằm cải thiện chất lượng quản trị và tăng cường niềm tin của người dân.

TCVN 14505:2025 được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo ISO 37125:2024. TCVN 14505:2025 do Tiểu Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 268/SC 1 Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ và công bố./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI NÂNG CAO ĐỘ CHÍNH XÁC PHÂN TÍCH THÉP HỢP KIM THẤP

Một bước tiến quan trọng trong lĩnh vực kiểm soát chất lượng vật liệu công nghiệp vừa được ASTM International công bố với việc phê duyệt tiêu chuẩn mới E3515 - phương pháp thử nghiệm bằng ICP-AES dành cho thép hợp kim thấp. Tiêu chuẩn này được kỳ vọng mang đến độ chính xác cao hơn trong phân tích thành phần hóa học, góp phần cải thiện quy trình kiểm tra chất lượng vật liệu trong sản xuất và xây dựng công nghiệp.

Theo Ủy ban Hóa học phân tích của ASTM - cơ quan soạn thảo tiêu chuẩn, E3515 được xây dựng nhằm khắc phục một số hạn chế kỹ thuật tồn tại trong phương pháp phân tích hiện hành. Tiêu chuẩn mới tập trung vào hiệu suất đo lường thực tế, linh hoạt trong lựa chọn thiết bị và chi tiết quy trình thử nghiệm, đồng thời vẫn duy trì tiêu chí nghiêm ngặt về độ chính xác, độ tin cậy và giới hạn phát hiện.

Phương pháp ICP-AES là kỹ thuật quang phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng, cho



phép phân tích thành phần kim loại với độ nhạy cao và khả năng xác định nhiều nguyên tố cùng lúc. Nhờ vậy, các chỉ số về nguyên tố hợp kim như crom, niken, mangan - những yếu tố quyết định tính chất cơ học và khả năng chống ăn mòn của thép có thể được xác định một cách chính xác hơn. Điều này đặc biệt quan trọng trong các ứng dụng đòi hỏi tiêu chuẩn vật liệu cao như trong ngành ô tô, hàng không, cầu đường hay kết cấu chịu tải lớn.

Ông Hengyao Dang, kỹ sư cao cấp tại Viện Nghiên cứu Vật liệu Đóng tàu Lạc Dương và là thành viên của ASTM nhấn mạnh vai trò của tiêu chuẩn mới: “Thép hợp kim thấp là vật liệu nền tảng trong nhiều sản phẩm và công trình quan trọng. Độ bền, độ chắc chắn và khả năng chống ăn mòn của loại thép này phụ thuộc chặt chẽ vào hàm lượng chính xác của các nguyên tố cấu thành. Tiêu chuẩn E3515 cung cấp một

công cụ kiểm tra chất lượng hiệu quả để đảm bảo vật liệu đáp ứng yêu cầu khắt khe đó”.

Việc ban hành E3515 không chỉ giúp nhà sản xuất và đơn vị kiểm định đạt mức độ đo lường chính xác hơn, mà còn hỗ trợ cơ quan quản lý và khách hàng trong việc đánh giá, đối chiếu chất lượng thép hợp kim thấp một cách đáng tin cậy. Điều này góp phần ngăn ngừa các sự cố kỹ thuật, giảm nguy cơ lỗi vật liệu và đảm bảo an toàn cho các công trình, sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

Trước đó, trong lĩnh vực phân tích thép hợp kim thấp, nhiều tiêu chuẩn như ASTM E1085 - phương pháp phân tích bằng quang phổ tia X đã được sử dụng rộng rãi trong kiểm soát chất lượng thép hợp kim thấp bằng phép đo đa nguyên tố nhanh chóng và hiệu quả.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn mới E3515 bổ sung thêm lựa chọn kỹ thuật và mở rộng khả năng phân tích sâu hơn, đặc biệt phù hợp với yêu cầu kiểm tra chất lượng trong các ngành công nghiệp tiên tiến. Với sự ra đời của tiêu chuẩn E3515, ngành kiểm định vật liệu và sản xuất thép hợp kim thấp được kỳ vọng sẽ bước sang một giai đoạn mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm trong nước cũng như quốc tế./.

0

TCVN 14507:2025: CHUẨN HÓA KIẾN TRÚC NỀN TẢNG SỐ CHO ĐÔ THỊ THÔNG MINH

TCVN 14507:2025 quy định kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh



(SCDP), tập trung vào việc hỗ trợ truy cập dữ liệu và dịch vụ cho các ứng dụng trong đô thị thông minh.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu về một nền tảng số thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu ngày càng trở nên cấp thiết.

Theo đó, TCVN 14507:2025 về Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh - Dữ liệu và dịch vụ đã được ban hành. quy định kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh (SCDP), tập trung vào việc

hỗ trợ truy cập dữ liệu và dịch vụ cho các ứng dụng trong đô thị thông minh.

Cụ thể, nền tảng số đô thị thông minh (SCDP) hướng đến việc hình thành một nền tảng công nghệ thông tin thực tiễn, cho phép tích hợp các dịch vụ đô thị. SCDP là một phần của quá trình chuyển đổi số trong hạ tầng và dịch vụ đô thị, được thúc đẩy bởi việc triển khai các giải pháp Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, dữ liệu lớn và song sinh số, cùng các công nghệ số khác.

SCDP là một không gian nơi các ứng dụng khác nhau có thể chia sẻ các tài nguyên và chức năng chung cơ bản. SCDP cung cấp một giao

diện để tích hợp hạ tầng số và vật lý của đô thị. SCDP cũng cung cấp khả năng tích hợp để điều phối dữ liệu, dịch vụ và ứng dụng trên các lĩnh vực vận hành cho nhiều bên liên quan trong đô thị thông minh.

TCVN 14506:2025 hoàn toàn tương đương với ISO/IEC 30146:2019. TCVN 14506:2025 do Tiểu Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 288/SC 1 “Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh” biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

0

DOANH NGHIỆP LÀ TRUNG TÂM NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trở thành yêu cầu cốt lõi đối với doanh nghiệp Việt Nam. Với cách tiếp cận lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021–2030 (Chương trình 1322) đã và đang từng bước khẳng định vai trò là trụ cột chính sách thúc đẩy năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế.



Doanh nghiệp làm trung tâm

Năng suất lao động và chất lượng sản phẩm là những yếu tố then chốt quyết định sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế. Trong bối cảnh Việt Nam chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, việc nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) được xác định là động lực quan trọng cho tăng trưởng dài hạn. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa, hạn chế về nguồn lực tài chính, công nghệ và năng lực quản trị, khiến việc tự đầu tư cho các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng gặp nhiều khó khăn.

Xuất phát từ thực tiễn đó, Chương trình 1322 được ban hành với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến năng suất – chất lượng, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị và khả năng tham gia chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu.

Kết quả đo lường được

Sau 5 năm triển khai giai đoạn

2021–2025, Chương trình 1322 đã ghi nhận nhiều kết quả cụ thể và có thể đo lường. Bộ Khoa học và Công nghệ cho biết, chương trình tập trung ưu tiên các giải pháp cải tiến năng suất gắn với số hóa, chuyển đổi số và sản xuất thông minh trong các ngành kinh tế chủ lực.

Nhiều mô hình ứng dụng công nghệ đã mang lại hiệu quả rõ rệt, điển hình là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong khâu chuẩn bị sản xuất của ngành may mặc, giúp giảm từ 30–45% thời gian lao động. Bên cạnh đó, việc triển khai hệ thống quản lý điều hành sản xuất MES tại một số doanh nghiệp lớn đã giúp tối ưu hóa nguồn lực, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.

Không chỉ dừng ở công nghệ, chương trình còn hỗ trợ 308 doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý như ISO 45001, ISO 27001, ISO 31000, ISO 17025, cùng các công cụ Lean, 5S, Kaizen, TPM... Kết quả so sánh trước và sau hỗ trợ cho thấy hiệu suất sử dụng thiết bị (OEE) tăng khoảng 20%, hàng tồn kho giảm 45%, tỷ lệ trễ hẹn đơn hàng giảm 44%, năng suất lao động tăng trên 30%, chi phí sản xuất – kinh doanh tiết kiệm hơn 10%.

Ở phạm vi rộng hơn, các bộ, ngành và địa phương đã lồng ghép Chương trình 1322 với

các chương trình phát triển kinh tế – xã hội khác, qua đó hỗ trợ hơn 6.410 doanh nghiệp trên cả nước. Cách tiếp cận lồng ghép này góp phần tối ưu hóa nguồn lực, tăng tính bền vững và lan tỏa của chính sách.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng thông qua Chương trình 1322 đã đóng góp tích cực vào việc nâng tỷ trọng TFP trong tăng trưởng kinh tế, đồng thời cải thiện các chỉ số quốc gia quan trọng như Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và Chỉ số Hạ tầng Chất lượng quốc gia (GQII). Đây là minh chứng cho mối liên hệ chặt chẽ giữa chính sách năng suất – chất lượng với năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn.

Theo ông Lê Minh Tâm – Giám đốc Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng lại cho rằng, để Chương trình 1322 lan tỏa sâu rộng và hiệu quả hơn, cần tăng cường các chương trình đào tạo mở, miễn phí nhằm nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đã sẵn sàng tiếp cận, các gói hỗ trợ chuyên sâu như tư vấn tại chỗ, hướng dẫn áp dụng ISO, Lean, Kaizen, TPM... sẽ phát huy hiệu quả cao, giúp chuyển hóa nhận thức thành kết quả cụ thể./.

0

GẦN 5 TRIỆU LƯỢT PHƯƠNG TIỆN ĐẠT TIÊU CHUẨN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Theo Cục Đăng kiểm Việt Nam, trong năm qua, hoạt động đăng kiểm xe cơ giới ghi nhận những kết quả tích cực, đáp ứng kịp thời nhu cầu kiểm định phương tiện của người dân và doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về đăng kiểm, kiểm định an toàn.

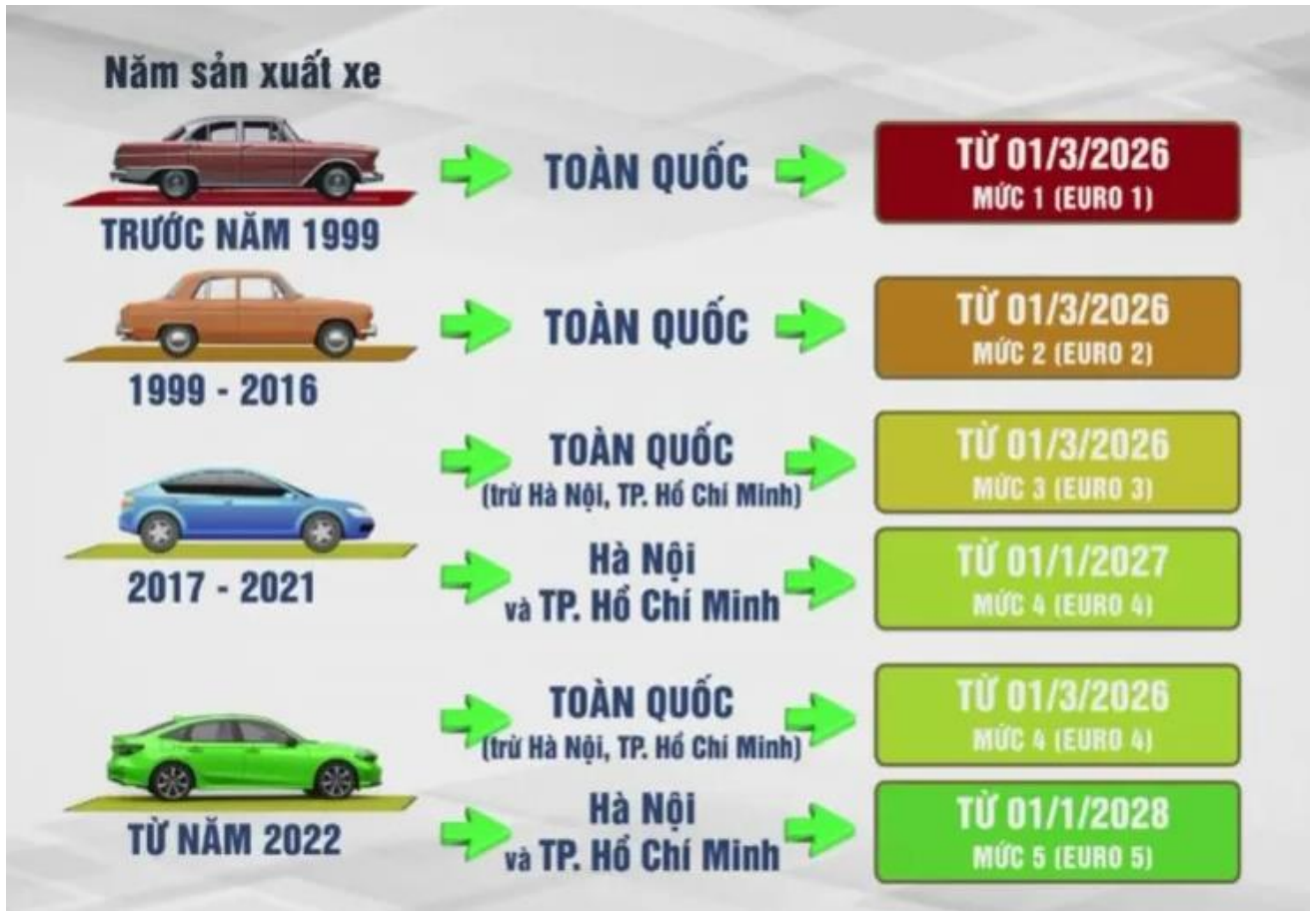
Năm 2025, cơ quan Đăng kiểm Việt Nam đã phối hợp với các địa phương trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá điều kiện hoạt động của các cơ sở đăng kiểm.

Từ tháng 12/2024 đến cuối tháng 11/2025, các cơ sở đăng kiểm trên phạm vi cả nước đã thực hiện kiểm định được gần 5,5 triệu lượt phương tiện; trong đó có khoảng 5

triệu lượt phương tiện đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (chiếm hơn 86%), còn gần 750 ngàn lượt phương tiện (chiếm gần 14%) không đạt tiêu chuẩn, phải bảo dưỡng, sửa chữa, điều chỉnh và kiểm định lại theo quy định.

Cũng theo thống kê đến nay có 92/306 cơ sở đăng kiểm và các chi nhánh đang hoạt động trên phạm vi cả nước, với 490/566 dây chuyền kiểm định được đưa vào khai thác.

Theo Cục Đăng kiểm Việt Nam, cơ quan đăng kiểm đã thực hiện đánh giá, cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho 3 cơ sở đăng kiểm tại: Hưng Yên, Tây Ninh và Nghệ An; đồng thời đánh giá, cấp



lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho 8 cơ sở đăng kiểm trên cả nước.

Đối với công tác thử nghiệm an toàn và thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, năm 2025, Trung tâm Thử nghiệm xe cơ giới (VMTC) đã thực hiện thử nghiệm và cấp báo cáo thử nghiệm an toàn cho 1.752 xe ô tô, rơ-moóc, sơ-mi rơ-moóc; hơn 4000 linh kiện ô tô; gần 1.000 xe mô tô, xe gắn máy, xe bốn bánh có gắn động cơ; gần 3,6 ngàn linh kiện mô tô, xe máy.

Trung tâm Thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (NETC) đã thực hiện kiểm tra, thử nghiệm khí thải đối với 1.860 mẫu, bao gồm: 568 mẫu ô tô, 602 mẫu động cơ và 804 mẫu xe mô tô.

Theo đánh giá, các hoạt động thử nghiệm được giám sát chặt chẽ, bảo đảm độ chính xác, khách quan và tin cậy của kết quả thử nghiệm, qua đó góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn kỹ thuật và

bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Cũng liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông, từ ngày 1/3/2026, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới về khí thải ô tô tham gia giao thông đường bộ sẽ chính thức có hiệu lực. Theo đó, tiêu chuẩn khí thải được nâng cao hơn so với quy định hiện hành, đặc biệt áp dụng khắt khe hơn tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Siết chặt tiêu chuẩn khí thải với ô tô được xem là giải pháp góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh trong giao thông. Lộ trình triển khai cũng được đưa ra hợp lý nhưng nhiều chủ xe vẫn còn những băn khoăn bởi theo lộ trình từ tháng 3/2026, xe ô tô sản xuất trước năm 1999 phải đạt tiêu chuẩn mức 1. Ô tô sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2016 áp dụng mức 2. Ô tô sản xuất từ năm 2017 đến hết năm 2021 áp dụng mức 3. Xe ô tô sản xuất từ năm 2022 áp dụng mức 4 và năm 2032 những xe này sẽ áp dụng mức 5.

Thực tế kiểm định tại các trung tâm hiện nay cho thấy lượng xe không đạt tiêu chuẩn khí thải chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ. Theo thống kê sơ bộ của Cục Đăng kiểm Việt Nam khi áp dụng tiêu chuẩn khí thải từ mức 1 đến mức 3 cũng chỉ có khoảng 3% đến tối đa 9% lượng xe trượt

kiểm định do khí thải. Vì thế chủ phương tiện không phải quá lo lắng. Những chiếc xe dù cũ nhưng vẫn có được lưu thông bình thường miễn là đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về khí thải./.

0

SIẾT CHẶT TIÊU CHUẨN AN TOÀN KỸ THUẬT CHO NGÀNH HÀNG HẢI

Ngành đóng tàu biển vỏ thép Việt Nam đối mặt nhiều thách thức về an toàn và chất lượng trong thiết kế, đóng mới và phân cấp. QCVN 21:2025/BGTVT ra đời nhằm cập nhật tiêu chuẩn kỹ thuật toàn diện hơn, phù hợp yêu cầu thực tế. Quy chuẩn này hướng tới nâng cao mức độ an toàn, độ tin cậy và khả năng cạnh tranh của tàu biển vỏ thép Việt Nam.



Trong hệ thống giao thông vận tải quốc gia, vận tải biển giữ vai trò đặc biệt quan trọng, kết nối Việt Nam với chuỗi logistics khu vực và toàn cầu. Cùng với đó, đội tàu biển, nhất là tàu biển vỏ thép, ngày càng gia tăng về số lượng và chủng loại, phục vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách, dịch vụ dầu khí, khai thác thủy sản xa bờ và nhiều hoạt động kinh tế biển khác. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác thiết kế, đóng mới và quản lý chất lượng tàu biển vỏ thép vẫn còn tồn tại những hạn chế, đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ

thuật phù hợp hơn với điều kiện khai thác hiện nay.

Trong những năm qua, bên cạnh những tàu biển vỏ thép được đầu tư bài bản, đạt tiêu chuẩn quốc tế, vẫn tồn tại không ít trường hợp tàu đóng mới nhưng nhanh xuống cấp, phát sinh sự cố kỹ thuật trong quá trình khai thác. Một số tàu gặp vấn đề về ổn định, kết cấu thân vỏ, hệ thống máy và thiết bị phụ trợ chưa đồng bộ, làm gia tăng chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, thậm chí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi hoạt động trong điều kiện thời tiết xấu.

Nguyên nhân của thực trạng này đến từ nhiều phía. Một mặt, trình độ công nghệ và năng lực thiết kế, thi công giữa các cơ sở đóng tàu chưa đồng đều. Mặt khác, các quy chuẩn kỹ thuật trước đây, dù đã đóng vai trò quan trọng trong quản lý, nhưng dần bộc lộ những điểm chưa theo kịp yêu cầu thực tế, đặc biệt trong bối cảnh tàu hoạt động ngày càng xa bờ, điều kiện khai thác khắc nghiệt hơn, yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường ngày càng cao.

Ngoài ra, việc phân cấp tàu chưa thực sự gắn chặt với mục đích sử dụng và vùng hoạt động cụ thể, dẫn đến tình trạng áp dụng yêu cầu kỹ thuật chưa tương xứng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tuổi thọ tàu mà còn làm suy giảm hiệu quả kinh tế trong suốt vòng đời khai thác.

Trước những thách thức đó, việc ban hành QCVN 21:2025/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép được xem là bước đi cần thiết và kịp thời.

Mục tiêu xuyên suốt của QCVN 21:2025/BGTVT là bảo đảm an toàn kỹ thuật, độ tin cậy và khả năng khai thác bền vững của tàu biển vỏ thép, thông qua việc kiểm soát chặt chẽ từ khâu thiết kế, lựa chọn vật liệu, thi công đóng mới cho đến kiểm tra, nghiệm thu và phân cấp tàu.

Một điểm nhấn quan trọng của quy chuẩn là cách tiếp cận phân cấp tàu theo chức năng sử dụng và vùng hoạt động. Theo đó, tàu biển vỏ thép được phân loại rõ ràng theo loại hình như tàu chở hàng, tàu khách, tàu dịch vụ, tàu chuyên dùng..., đồng thời xác định vùng hoạt động từ gần bờ đến xa bờ, biển hạn chế hay biển không hạn chế.

QCVN 21:2025/BGTVT còn quy định chi tiết các yêu cầu về thiết kế kết cấu thân tàu vỏ thép, từ bố trí khoang, kết cấu mạn, đáy, boong cho đến khả năng chịu lực tổng thể nhằm bảo đảm tàu có đủ độ bền, ổn định và khả năng làm việc an toàn trong suốt vòng đời khai thác. Quy

chuẩn cũng nhấn mạnh việc lựa chọn vật liệu thép phù hợp, kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật liệu, quy trình hàn và kiểm tra mối hàn. Đây là những yếu tố mang tính quyết định đến độ bền kết cấu, nhưng trong thực tế trước đây đôi khi chưa được giám sát đầy đủ.

Không chỉ tập trung vào thân tàu, quy chuẩn còn đặt ra các yêu cầu cụ thể đối với hệ thống máy chính, máy phụ và các hệ thống kỹ thuật trên tàu. Công suất máy, độ tin cậy, khả năng dự phòng đều phải phù hợp với cấp tàu và vùng hoạt động. Các hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc, cứu sinh... phải được trang bị đầy đủ và đáp ứng yêu cầu an toàn tương ứng. Quy chuẩn yêu cầu các khâu từ thiết kế, thi công đến nghiệm thu đều phải được kiểm tra bởi cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền, bảo đảm tàu chỉ được đưa vào khai thác khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật./.

0

QUY CHUẨN QCVN 26:2025/BCT - NỀN TẢNG AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG CHO HỆ THỐNG LƯỚI ĐIỆN VIỆT NAM

Trước tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế và sự mở rộng nhanh chóng của các khu công nghiệp, hệ thống điện Việt Nam đang chịu áp lực lớn trong việc đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và hiệu quả. Nếu việc nâng cấp, bảo dưỡng và giám sát hệ thống không được thực hiện nghiêm túc theo quy chuẩn, nguy cơ xảy ra mất điện cục bộ, sự cố chập cháy hay các sự cố lan rộng sẽ tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, đời sống sinh hoạt của người dân và chất lượng dịch vụ công.

Song song với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nhu cầu tiêu thụ điện của doanh nghiệp và hộ gia đình ngày càng gia tăng, đòi hỏi nguồn điện phải ổn định và chất lượng cao. Điện năng ổn định không chỉ giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra liên tục mà còn bảo vệ tuổi thọ và hiệu suất của các thiết bị điện, hệ thống công nghệ thông tin.

Ngược lại, nếu chất lượng điện suy giảm, doanh nghiệp sẽ phải chịu tổn thất thiết bị, chi phí vận hành tăng và gián đoạn trong các ngành kinh tế then chốt như chế biến, logistics, viễn thông hay công nghệ thông tin. Về lâu dài, điều này còn ảnh hưởng tới độ tin cậy của hệ thống điện quốc gia, tác động tiêu cực đến niềm tin của người tiêu dùng và các nhà đầu tư.

Vấn đề an toàn cũng là một thách thức lớn. Các sự cố điện, đặc biệt là ở các trạm biến áp và đường dây cao áp, có thể gây tai nạn lao động nghiêm trọng cho nhân viên vận hành và cả cộng đồng xung quanh. Đồng thời, tình trạng hệ thống lưới điện chưa đồng bộ và thiếu tiêu chuẩn thống nhất còn khiến công tác phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và triển khai các nguồn năng lượng tái tạo gặp khó khăn, giảm khả năng thích ứng của toàn hệ thống với biến đổi khí hậu và nhu cầu năng lượng sạch.



Tất cả những yếu tố này cho thấy, việc hoàn thiện và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật thống nhất cho hệ thống lưới điện là cấp thiết, không chỉ nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả vận hành mà còn tạo nền tảng cho phát triển kinh tế bền vững và ổn định năng lượng quốc gia.

Để khắc phục thực trạng này, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2025/BCT về kỹ thuật điện – hệ thống lưới điện đã được chính thức ban hành kèm theo Thông tư 51/2025/TT-BCT ngày 11/11/2025 và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026. Văn bản này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý, đảm bảo một tiêu chuẩn thống nhất, dễ hiểu và thực tiễn cho ngành điện lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Về mặt kỹ thuật, QCVN 26:2025/BCT đặt ra những yêu cầu cơ bản và chi tiết nhằm nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của hệ thống. Trước hết là vấn đề thiết kế và xây dựng. Mọi phương án thiết kế phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, tin cậy và hiệu quả, đồng thời cân nhắc khả năng mở rộng trong tương lai phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống điện. Các thiết bị điện và vật liệu sử dụng cần phù hợp với điện áp danh định, các điều kiện môi trường cũng như các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan. Vị trí xây

dựng trạm biến áp và đường dây điện được quy định cụ thể để đáp ứng yêu cầu về an toàn, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường, từ đó giảm thiểu nguy cơ tác động tiêu cực đến cộng đồng và tự nhiên xung quanh.

An toàn và bảo vệ là trụ cột tiếp theo của quy chuẩn. QCVN 26:2025/BCT quy định rõ ràng các yêu cầu về an toàn điện,

phòng cháy chữa cháy, bảo vệ chống sét và bảo vệ môi trường. Kết cấu, lắp đặt và bố trí hệ thống được thiết kế nhằm giảm thiểu nguy cơ tai nạn đối với người lao động và cộng đồng, đồng thời đảm bảo sự vận hành ổn định ngay cả trong điều kiện khắc nghiệt.

Bên cạnh đó, quy chuẩn cũng tập trung vào vận hành và kiểm tra hệ thống lưới điện. Việc vận hành cần đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn. Các công tác kiểm tra, bảo trì, thử nghiệm sau khi lắp đặt và định kỳ được quy định chi tiết, nhằm phát hiện sớm các sự cố, từ đó giảm thiểu thời gian gián đoạn cung cấp điện. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dịch vụ điện mà còn góp phần bảo vệ thiết bị, giảm thiểu tổn thất và tăng tuổi thọ của hệ thống.

Việc tuân theo QCVN 26:2025/BCT là bước tiến quan trọng trong việc hiện đại hóa và chuẩn hóa hệ thống lưới điện Việt Nam. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí về thiết kế, an toàn, bảo vệ và vận hành không chỉ đảm bảo hiệu quả kỹ thuật mà còn bảo vệ người lao động, cộng đồng và môi trường, đồng thời tạo niềm tin vững chắc cho người sử dụng điện và doanh nghiệp trong toàn quốc./.

0

ISO 10993-1:2025: NỀN TẢNG BẢO ĐẢM AN TOÀN SINH HỌC CHO THIẾT BỊ Y TẾ TRONG CHUỖI CHĂM SÓC SỨC KHỎE HIỆN ĐẠI

ISO 10993-1 – tiêu chuẩn quốc tế về đánh giá sinh học thiết bị y tế – đang giữ vai trò trung tâm trong việc thiết lập một khuôn khổ khoa học, nhất quán và dựa trên quản lý rủi ro, nhằm bảo đảm rằng các thiết bị y tế khi đưa vào sử dụng không gây hại cho bệnh nhân.



Trong nhiều thập kỷ qua, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ y tế, số lượng và chủng loại thiết bị tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với cơ thể người ngày càng gia tăng. Từ các sản phẩm sử dụng trong thời gian ngắn như găng tay, ống dẫn, đến các thiết bị cấy ghép tồn tại lâu dài trong cơ thể, yêu cầu về an toàn sinh học ngày càng trở nên khẩn trương. Chính trong bối cảnh đó, Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) đã xây dựng và ban hành tiêu chuẩn ISO 10993-1:2025 như một chuẩn mực chung để đánh giá mức độ tương thích sinh học của thiết bị y tế.

ISO 10993-1:2025 là phần mở đầu và có tính định hướng cho toàn bộ tiêu chuẩn ISO 10993 về đánh giá sinh học. Tiêu chuẩn này không đi sâu vào từng phép thử cụ thể, mà xác lập các nguyên tắc và yêu cầu chung nhằm đánh giá an toàn sinh học của thiết bị y tế trong khuôn khổ một quá trình quản lý rủi ro có hệ thống. Theo đó, đánh giá sinh học không được xem là một bước thử nghiệm đơn lẻ, mà là một phần không tách rời của toàn bộ vòng đời sản

phẩm, từ thiết kế, lựa chọn vật liệu, sản xuất cho đến sử dụng lâm sàng.

Một điểm cốt lõi của ISO 10993-1:2025 là cách tiếp cận dựa trên rủi ro. Thay vì yêu cầu mọi thiết bị đều phải trải qua cùng một tập hợp các thử nghiệm sinh học, tiêu chuẩn này yêu cầu nhà sản xuất phải phân tích kỹ bản chất tiếp xúc của thiết bị với cơ thể người. Thời gian tiếp xúc, vị trí tiếp xúc và loại mô liên quan là những yếu tố then chốt để xác định phạm vi đánh giá. Chính cách tiếp cận này giúp việc đánh giá vừa khoa học, vừa thực tiễn, tránh lãng phí nguồn lực cho các thử nghiệm không cần thiết, nhưng vẫn bảo đảm mức độ an toàn cao nhất.

Từ khung nguyên tắc do ISO 10993-1:2025 thiết lập, các nhà sản xuất sẽ xác định những tác động sinh học tiềm ẩn cần được xem xét. Tùy từng trường hợp cụ thể, việc đánh giá có thể bao gồm độc tính tế bào, kích ứng, gây nhạy cảm, độc tính toàn thân, tương thích với máu hoặc các ảnh hưởng lâu dài khác. Điều quan trọng là tiêu chuẩn nhấn mạnh việc kết hợp dữ liệu thử nghiệm với thông tin khoa học sẵn có, lịch sử sử dụng vật liệu và kinh nghiệm lâm sàng, thay vì chỉ dựa vào kết quả thử nghiệm trong phòng thí nghiệm.

ISO 10993-1:2025 cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của chuyên môn con người trong quá trình đánh giá. Việc phân tích rủi ro sinh học, diễn giải dữ liệu và đưa ra kết luận an toàn không thể thực hiện một cách máy móc. Tiêu chuẩn yêu cầu quá trình đánh giá phải được thực hiện bởi những cá nhân có năng lực phù hợp, hiểu rõ cả khía cạnh kỹ thuật, sinh học lẫn bối cảnh sử dụng thiết bị. Điều này phản ánh xu hướng chung của tiêu chuẩn hóa hiện đại: không chỉ chuẩn hóa quy trình, mà còn nâng cao chất lượng phán đoán chuyên môn.

Việc cập nhật ISO 10993-1:2025 qua các phiên bản cũng cho thấy tiêu chuẩn này không

ngừng tiến hóa để bắt kịp thực tiễn công nghệ và yêu cầu quản lý. Các phiên bản mới tiếp tục làm rõ mối liên hệ giữa đánh giá sinh học và quản lý rủi ro tổng thể, đồng thời tăng cường tính minh bạch và khả năng truy xuất trong hồ sơ an toàn sinh học của thiết bị y tế. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các cơ quan quản lý ngày càng yêu cầu cao hơn về bằng chứng khoa học và trách nhiệm của nhà sản xuất.

Ở góc độ thị trường, ISO 10993-1:2025 đóng vai trò như một “ngôn ngữ chung” giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý tại nhiều quốc gia. Việc tuân thủ tiêu chuẩn này giúp hồ sơ kỹ thuật của thiết bị y tế có tính thuyết phục cao hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thẩm định và cấp phép lưu hành. Đồng thời, việc áp dụng thống nhất tiêu chuẩn cũng góp phần giảm thiểu sự khác biệt về yêu cầu đánh

giá sinh học giữa các thị trường, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hoạt động xuất khẩu.

Quan trọng hơn cả, tác động cuối cùng của phiên bản này nằm ở việc bảo vệ bệnh nhân. Thông qua việc yêu cầu đánh giá toàn diện và có hệ thống các rủi ro sinh học, tiêu chuẩn này giúp giảm thiểu nguy cơ xảy ra các phản ứng bất lợi, biến chứng không mong muốn liên quan đến thiết bị y tế. Trong một hệ thống y tế lấy an toàn người bệnh làm trung tâm và ISO 10993-1:2025 chính là một trong những trụ cột kỹ thuật quan trọng.

Trong bối cảnh đổi mới công nghệ diễn ra nhanh chóng, tiêu chuẩn này tiếp tục khẳng định vai trò như một công cụ giúp cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và an toàn, giữa phát triển thị trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng./.

0

ISO/IEC 27566: ĐỀ CAO VẤN ĐỀ AN TOÀN VÀ QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA TRẺ EM TRONG KHÔNG GIAN MẠNG

Trong kỷ nguyên số, internet đã trở thành không gian sống thứ hai của trẻ em, nơi các em học tập, giải trí và kết nối xã hội từ rất sớm. Tuy nhiên, song hành với những lợi ích to lớn là hàng loạt rủi ro tiềm ẩn liên quan đến nội dung độc hại, xâm phạm quyền riêng tư và các hành vi quấy rối trên môi trường mạng.



Theo Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), trẻ em là nhóm người dễ bị tổn thương nhất trên môi trường mạng do chưa có đầy đủ

năng lực nhận thức để đánh giá rủi ro và kiểm soát hành vi trực tuyến. Trong khi đó, nhiều dịch vụ số hiện nay vẫn được thiết kế theo cách tiếp cận chung có tất cả mọi người, tất cả độ tuổi, điều này khiến trẻ em sử dụng chung nền tảng, thuật toán và cơ chế thu thập dữ liệu như người trưởng thành.

Mặt khác, việc không kiểm soát được nội dung sử dụng trên không gian mạng làm gia tăng nguy cơ trẻ tiếp xúc với nội dung vượt độ tuổi, bị theo dõi hành vi, hoặc bị thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân mà không có sự bảo vệ đầy đủ. IEC cho rằng, nếu không có các yêu cầu kỹ thuật thống nhất, việc bảo vệ trẻ em sẽ phụ thuộc quá nhiều vào thiện chí của nhà cung cấp dịch vụ, yếu tố vốn không ổn định trong môi trường kinh doanh số toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, ISO/IEC 27566 được xem là một bước tiến quan trọng trong hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về quyền riêng tư và quản lý thông tin cá nhân. Tiêu chuẩn này cung cấp hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức trong việc thiết kế, triển khai và vận hành các hệ

thống xử lý dữ liệu có xét đến yếu tố trẻ em, coi trẻ em là nhóm đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt. Tiêu chuẩn này bao gồm năm yếu tố chính: chức năng và hiệu suất của hệ thống, quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu, và khả năng chấp nhận. Phiên bản này được coi là một tiêu chuẩn nền tảng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi về công nghệ và nhu cầu cụ thể của từng quốc gia hoặc ngành công nghiệp. ISO/IEC 27566 nhấn mạnh nguyên tắc lấy lợi ích tốt nhất của trẻ em làm trọng tâm, yêu cầu các tổ chức phải đánh giá rủi ro về quyền riêng tư ngay từ khâu thiết kế sản phẩm, dịch vụ. Việc thu thập và xử lý dữ liệu của trẻ cần được giới hạn ở mức cần thiết, minh bạch về mục đích và có các biện pháp bảo vệ phù hợp với độ tuổi.

Một trong những điểm cốt lõi được IEC nhấn mạnh là cách tiếp cận “safety by design” – an toàn ngay từ khâu thiết kế, thay vì bổ sung sau khi rủi ro đã xảy ra. ISO/IEC 27566 cụ thể hóa nguyên tắc này thông qua các yêu cầu về thiết lập quyền riêng tư mặc định ở mức cao, cơ chế kiểm soát truy cập phù hợp với trẻ em và các biện pháp giảm thiểu nguy cơ khai thác dữ liệu ngoài mục đích ban đầu.

Theo IEC, khi các yêu cầu này được tiêu chuẩn hóa, chúng tạo ra một “hàng rào kỹ thuật” buộc các nhà phát triển và nền tảng số

phải tính đến trẻ em ngay trong quá trình thiết kế. Điều này không chỉ giúp giảm rủi ro cho trẻ mà còn góp phần nâng cao chất lượng và tính bền vững của các dịch vụ số.

IEC cũng chỉ ra rằng các tiêu chuẩn như ISO/IEC 27566 đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa quy định pháp luật và thực tiễn kỹ thuật. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang tăng cường yêu cầu về bảo vệ trẻ em và dữ liệu cá nhân, tiêu chuẩn cung cấp cơ sở kỹ thuật rõ ràng để các tổ chức chứng minh mức độ tuân thủ.

Ngược lại, việc áp dụng tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp chủ động thích ứng với các chính sách mới, giảm rủi ro pháp lý và củng cố niềm tin của người dùng. Đối với các dịch vụ xuyên biên giới, tiêu chuẩn quốc tế còn giúp tạo ra sự thống nhất trong cách tiếp cận, tránh tình trạng mỗi quốc gia, mỗi nền tảng áp dụng một mô hình khác nhau.

Theo IEC, bảo vệ trẻ em trực tuyến không phải là giải pháp ngắn hạn, mà là chiến lược dài hạn đòi hỏi sự phối hợp giữa tiêu chuẩn, công nghệ, chính sách và giáo dục. Trong đó, các tiêu chuẩn như ISO/IEC 27566 đóng vai trò nền tảng, giúp chuyển các nguyên tắc đạo đức và yêu cầu pháp lý thành những giải pháp kỹ thuật có thể triển khai và kiểm chứng./.

0

GIẢM THIỂU RÁC THẢI ĐIỆN TỬ TOÀN CẦU: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TỪ CỘNG ĐỒNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang mang lại nhiều tiện ích chưa từng có cho đời sống con người, song cũng kéo theo một hệ lụy ngày càng rõ nét: rác thải điện tử (e-waste) gia tăng với tốc độ báo động. Khi vòng đời của các thiết bị điện – điện tử ngày càng ngắn, thế giới đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng môi trường âm thầm nhưng nghiêm trọng.

Trong nhiều thập kỷ qua, thiết bị điện và điện tử đã trở thành một phần không thể thiếu

trong đời sống hiện đại, từ điện thoại thông minh, máy tính cá nhân cho đến các thiết bị gia dụng và công nghiệp. Tuy nhiên, sự đổi mới công nghệ liên tục, cùng với xu hướng tiêu dùng nhanh, đã khiến lượng thiết bị bị thải bỏ tăng mạnh. Theo các số liệu được IEC dẫn lại, rác thải điện tử hiện là dòng chất thải tăng nhanh nhất trên thế giới, với hàng chục triệu tấn phát sinh mỗi năm, nhưng chỉ một phần nhỏ trong số đó được thu gom và tái chế theo các kênh chính thức.



Theo Báo cáo Giám sát Rác thải Điện tử Toàn cầu mới nhất của Liên Hợp Quốc, thế giới đã tạo ra 62 triệu tấn rác thải điện tử vào năm 2022, và con số này đang tăng nhanh gấp năm lần so với lượng được ghi nhận là đã được tái chế. Hơn nữa, chưa đến 1% nhu cầu về các nguyên tố đất hiếm được đáp ứng bằng việc tái chế rác thải điện tử, mặc dù nhu cầu đang tăng mạnh. Các khoáng chất quan trọng như coban, đồng, niken và đất hiếm là cần thiết cho việc sản xuất các công nghệ năng lượng sạch như ô tô điện và được coi là thiết yếu cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.

Vấn đề càng trở nên trầm trọng hơn khi hơn ba phần tư hoạt động tái chế rác thải điện tử diễn ra không được ghi chép và mang tính chất không chính thức, thường sử dụng các quy trình không an toàn. Báo cáo cho thấy 5,1 triệu tấn (8,2% tổng số toàn cầu) rác thải điện tử đã được vận chuyển qua biên giới vào năm 2022, trong đó khoảng 3,3 triệu tấn (65%) được vận chuyển từ các nước có thu nhập cao sang các nước có thu nhập trung bình và thấp thông qua các hoạt động không được kiểm soát và không được ghi chép. Điều này không chỉ bất hợp pháp mà trong nhiều trường hợp, các quốc gia tiếp nhận còn thiếu luật pháp hoặc cơ sở hạ tầng phù hợp để xử lý đúng cách.

Đáng lo ngại hơn, phần lớn rác thải điện tử không được xử lý đúng cách. Nhiều thiết bị bị chôn lấp, đốt bỏ hoặc tháo dỡ thủ công trong điều kiện thiếu an toàn, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển. Quá trình này làm phát tán các chất độc hại như chì, thủy ngân, cadmium ra môi trường, gây ô nhiễm đất, nước và không khí, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến

sức khỏe cộng đồng. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, tác động của e-waste không chỉ mang tính môi trường mà còn là vấn đề xã hội và y tế lâu dài.

Để giải quyết vấn đề toàn cầu ngày càng nghiêm trọng này, cần có sự hiểu biết và áp dụng rộng rãi các biện pháp an toàn và hiệu quả tốt nhất về quản lý rác thải điện tử, được hỗ trợ bởi các quy định pháp luật.

Một tiêu chuẩn quốc tế mới vừa được ban hành nhằm mục đích thực hiện điều đó. Tiêu chuẩn IEC 63395 đề cập đến việc quản lý bền vững chất thải thiết bị điện và điện tử trong tất cả các bước của quy trình, từ thu gom đến việc đưa các sản phẩm, linh kiện, vật liệu hoặc năng lượng đã thu hồi trở lại chuỗi giá trị.

Tiêu chuẩn này bao gồm khả năng truy xuất nguồn gốc, giám sát và đánh giá dòng chảy rác thải điện tử, tỷ lệ thu hồi và chất lượng thu hồi. Tiêu chuẩn này được thiết kế để sử dụng bởi các tổ chức tham gia quản lý rác thải điện tử nhằm quản lý trách nhiệm của mình một cách có hệ thống. Việc sử dụng tiêu chuẩn này không chỉ giúp cải thiện việc quản lý rác thải điện tử của tổ chức mà còn giúp họ đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ cùng một lúc.

Theo cách này, tiêu chuẩn góp phần bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người cũng

như môi trường, tối đa hóa tính tuần hoàn của tài nguyên thông qua việc thu hồi các sản phẩm, linh kiện và vật liệu rác thải điện tử, tối ưu hóa chất lượng của các sản phẩm, linh kiện và vật liệu được thu hồi và ngăn ngừa các hoạt động thu hồi và xử lý rác thải điện tử không bền vững và không an toàn.

Có thể thấy, rác thải điện tử là thách thức phức tạp, gắn liền với quá trình số hóa toàn

cầu. Tuy nhiên, như IEC phân tích, đây cũng là cơ hội để thế giới tái định hình cách thiết kế, sử dụng và quản lý thiết bị điện – điện tử. Khi tiêu chuẩn quốc tế, chính sách công và hành vi thị trường cùng hội tụ, bài toán e-waste hoàn toàn có thể được kiểm soát theo hướng bền vững hơn, thay vì tiếp tục trở thành “mặt trái” của tiến bộ công nghệ./.

0

ĐÀ NẴNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

UBND thành phố Đà Nẵng vừa ban hành Quyết định số 2988/QĐ-UBND về việc triển khai Kế hoạch quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn thành phố.

hoạch số 252-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy. Việc tổ chức thực hiện cần được lồng ghép chặt chẽ với các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cũng như các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được phê duyệt, ban hành, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả.

UBND thành phố giao các sở, ban, ngành và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường phối hợp trong quá trình thực hiện, bảo đảm đúng tiến

độ. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả triển khai theo quy định.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được thành phố xác định là đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng

của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



Theo Quyết định, UBND thành phố yêu cầu các nhiệm vụ triển khai phải bám sát nội dung Chỉ thị số 38-CT/TW, Quyết định số 1703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế

Bên cạnh đó, thành phố sẽ tập trung rà soát, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và các văn bản quản lý liên quan; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Công tác thanh tra, kiểm tra, khảo sát cũng được chú trọng, gắn với đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Đà Nẵng đồng thời đẩy mạnh hội nhập

quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tuân thủ các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đặc biệt, thành phố xác định doanh nghiệp là trung tâm, tích cực tuyên truyền, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững./.

0

HOÀN THIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ NỘI ĐỊA: BẢO VỆ DOANH NGHIỆP VIỆT VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Thị trường nội địa Việt Nam đang cần bộ tiêu chí xác định xuất xứ hàng hóa rõ ràng, giúp phân biệt sản xuất thực chất và gia công hình thức, bảo vệ doanh nghiệp chân chính và nâng cao niềm tin người tiêu dùng.



Trong nhiều năm, xuất xứ hàng hóa tại Việt Nam chủ yếu được tiếp cận từ góc độ xuất khẩu, gắn với các hiệp định thương mại tự do (FTA) và cơ chế cấp giấy chứng nhận C/O. Tuy nhiên, tại thị trường nội địa, nơi hàng triệu sản phẩm được gắn nhãn “Made in Vietnam” hay “Sản xuất tại Việt Nam”, vẫn chưa có tiêu chí pháp lý thống nhất để xác định thế nào là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.

Khoảng trống này tạo ra môi trường cạnh tranh thiếu công bằng giữa doanh nghiệp sản xuất thực chất và các đơn vị chỉ thực hiện những công đoạn đơn giản nhưng vẫn gắn mác hàng Việt. Ông Nguyễn Hoàng Hà, Phó Trưởng phòng Xuất xứ hàng hóa (Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương), cho biết xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước là nội dung còn

mới, chưa nhiều quốc gia triển khai bài bản. Tuy nhiên, thực tiễn Việt Nam cho thấy đây là yêu cầu cấp thiết trước tình trạng hàng giả, hàng nhái và gian lận nguồn gốc ngày càng tinh vi.

Nhiều sản phẩm nhập khẩu chỉ qua các công đoạn đơn giản như thay bao bì, đóng gói hay lắp ráp sơ sài, nhưng khi đưa ra thị trường lại ghi “sản xuất tại Việt Nam”. Những sản phẩm này không chỉ cạnh tranh trực tiếp với hàng sản xuất bài bản mà còn lợi dụng tâm lý ưu tiên hàng Việt của người tiêu dùng, thậm chí len lỏi vào các chương trình mua sắm công.

Nguyên nhân cốt lõi là hệ thống pháp luật hiện hành chưa có tiêu chí cụ thể để xác định xuất xứ hàng hóa nội địa. Nghị định 43/2017/NĐ-CP quy định ghi xuất xứ trên nhãn hàng hóa là bắt buộc nhưng chưa làm rõ tiêu chí ghi “xuất xứ Việt Nam”. Các luật khác như Luật Thương mại, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng mới chỉ đặt nguyên tắc chung, chưa đủ để xử lý các tình huống phức tạp. Hệ quả là khi phát hiện gian lận, cơ quan quản lý gặp khó khăn: xử phạt hay thu hồi chưa đủ sức răn đe, trong khi niềm tin của người tiêu dùng bị bào mòn.

Trước thực trạng này, Bộ Công Thương được giao xây dựng bộ tiêu chí xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước, phối hợp với các bộ ngành liên quan. Bộ tiêu chí sẽ phân loại rõ ràng: hàng hóa có xuất xứ thuần túy; hàng

không thuần túy nhưng đạt tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước; hàng trải qua công đoạn chế biến thay đổi bản chất sản phẩm. Ngược lại, các công đoạn đơn giản như thay bao bì, đóng gói hay lắp ráp sơ sài sẽ không đủ điều kiện ghi xuất xứ Việt Nam. Cách tiếp cận này nhằm tạo “lằn ranh

pháp lý” rõ ràng giữa sản xuất thực chất và gia công hình thức, giúp doanh nghiệp chân chính bảo vệ quyền lợi, đồng thời cung cấp công cụ cho cơ quan quản lý xử lý vi phạm một cách minh bạch và thống nhất./.

0

XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ THÊM CÁC TIÊU CHUẨN VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRỌNG ĐIỂM, CHỦ LỰC

Theo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, trong năm 2025 đã tiếp nhận, tổ chức thẩm định 510 tiêu chuẩn quốc gia, công bố 323 tiêu chuẩn quốc gia; tiếp nhận đăng ký 32 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và 7 quy chuẩn địa phương, góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật thống nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, hoạt động đo lường ghi nhận 5.176

phần bảo đảm độ chính xác và minh bạch cho nền kinh tế.

Cũng trong năm qua, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tập trung xây dựng định hướng tiêu chuẩn hóa phục vụ các công nghệ chiến lược, bám sát chủ trương phát triển 11 nhóm công nghệ chiến lược của quốc gia. Trọng tâm là thí điểm xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn nước ngoài đối với sáu nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược, gồm camera AI xử lý tại biên, robot di động tự hành, thiết bị bay không

người lái (UAV), hạ tầng và ứng dụng blockchain phục vụ truy xuất nguồn gốc, hệ thống và thiết bị mạng 5G, cùng mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt.

Trong thời gian tới, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia nỗ lực xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng 70%-80% yêu cầu quản lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cho tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, tập trung vào 11

nhóm ngành công nghệ chiến lược, phát triển kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp sáng tạo, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, sản xuất



mẫu phương tiện đo được phê duyệt, 5.900 chứng nhận chuẩn đo lường được cấp, góp

thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

Đồng thời, phấn đấu mục tiêu khoảng 400 tiêu chuẩn quốc gia được công bố thuộc các lĩnh vực/đối tượng: sản phẩm, hàng hóa trọng điểm, chủ lực; xăng dầu; phương thức kiểm tra/ xác nhận/ kiểm toán phát thải khí nhà kính theo IPCC (Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu); robotics thương mại; phương tiện bay không người lái (UAV); điện hạt nhân; truy xuất nguồn gốc; báo điện tử; thực tế ảo và các lĩnh vực khác...

Theo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng, tiêu chuẩn phải hiện đại và đi trước, dẫn dắt phát triển. Năm 2026, số lượng tiêu chuẩn công bố không dừng ở 400 mà phải ít nhất 1.000 tiêu chuẩn, đồng thời đổi mới cách làm luật theo hướng sửa ít, sửa nhanh, sửa chính xác. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cần chuyển vai trò từ cơ quan ban hành, kiểm soát sang thiết kế hạ tầng chất lượng quốc gia, quản lý chất lượng

dựa trên dữ liệu, đồng hành cùng doanh nghiệp ngay từ đầu.

Bộ trưởng gợi mở cần cho phép các Bộ, ngành ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật ngành. "Nếu 1.000 tiêu chuẩn đều dồn hết lên Bộ thì không thể làm nhanh được. Phải phân quyền, để các bộ, ngành chủ động ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật ngành". Đồng thời đề nghị xem xét sửa đổi những quy định chưa phù hợp trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật vừa ban hành, thay vì chờ nhiều năm mới điều chỉnh.

Được biết, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cũng đã tiếp nhận và cấp mã số mã vạch cho 5.954 doanh nghiệp, tổ chức, với 289.039 loại sản phẩm được định danh, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quản lý chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nâng cao tính minh bạch và khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế./.

0

HOÀN THIỆN TIÊU CHUẨN AN NINH MẠNG ĐỂ THEO KỊP THỰC TIỄN SỐ HÓA

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những cơ hội phát triển to lớn, song cũng kéo theo các thách thức ngày càng phức tạp



về an toàn thông tin và an ninh mạng.

Trong bối cảnh các nguy cơ trên không gian số gia tăng nhanh chóng, việc hoàn thiện

hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được xem là nền tảng then chốt nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi số diễn ra an toàn, bền vững.

AI đã và đang tạo ra bước ngoặt mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, từ sản xuất, thương mại đến quản lý nhà nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng đó, cục diện an ninh mạng cũng thay đổi căn bản. Các cuộc tấn công mạng không chỉ gia tăng về số lượng mà còn trở nên tinh vi hơn, có sự hỗ trợ trực tiếp của AI, gây ra những rủi ro lớn đối với dữ liệu, hệ thống thông tin và an ninh quốc gia.

Theo Trung tâm An toàn thông tin VNPT, chỉ trong nửa đầu năm 2025, Việt Nam ghi nhận tới 155 triệu bản ghi dữ liệu bị rò rỉ và 4,5

triệu tài khoản bị lộ lọt, chiếm 12,6% tổng số toàn cầu, tăng hơn 21% so với cùng kỳ năm trước. Báo cáo của Công ty An ninh mạng Viettel cũng cho thấy bức tranh đáng lo ngại khi gần 6,5 triệu tài khoản cá nhân bị đánh cắp, hàng nghìn tên miền lừa đảo bị phát hiện và hơn nửa triệu cuộc tấn công từ chối dịch vụ (DDoS) được ghi nhận, trong đó nhiều vụ việc có dấu ấn của công nghệ AI.

Trước thực tế này, các chuyên gia nhận định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng không còn là lựa chọn mà đã trở thành vấn đề sống còn. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về AI và an ninh mạng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp chuẩn hóa yêu cầu kỹ thuật, quy trình giám sát, phòng ngừa và ứng phó sự cố trong môi trường số.

Thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và ban hành nhiều tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến AI và an ninh mạng. Tiêu biểu có thể kể đến TCVN 14365:2025 về các phương pháp tính toán cho hệ thống AI; TCVN ISO/IEC 42001:2025 về hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo; hay TCVN 14364:2025 về khung AI sử dụng học máy. Đặc biệt, bộ tiêu chuẩn TCVN

14423:2025 về “An ninh mạng – Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng” được đánh giá là bước tiến lớn khi lần đầu tiên quy định chi tiết, toàn diện các yêu cầu bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin trọng yếu của Việt Nam.

Theo ông Vũ Ngọc Sơn, Trưởng ban Nghiên cứu, tư vấn phát triển công nghệ và Hợp tác quốc tế, Hiệp hội An ninh mạng quốc gia, việc hợp nhất khái niệm an toàn thông tin và an ninh mạng giúp thuận lợi hơn trong triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn, cũng như đưa Luật An ninh mạng vào thực tiễn hiệu quả hơn đối với doanh nghiệp và tổ chức.

Trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chính là “xương sống” bảo đảm công nghệ mới được ứng dụng an toàn, đồng bộ. Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Xuân Định nhấn mạnh, tiêu chuẩn là định hướng phát triển để thúc đẩy năng suất và đổi mới sáng tạo, còn quy chuẩn là hàng rào bảo vệ quốc gia, bảo vệ an ninh, an toàn và chủ quyền trong kỷ nguyên số./.

0



CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 12/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

TCVN 14575:2025

Ứng dụng đường sắt – Cửa sổ bên thân xe cho phương tiện giao thông đường sắt
Số trang:50

TCVN 10469-1:2025

Phương tiện giao thông đường bộ hybrid- điện – Đo khí thải và tiêu thụ nhiên liệu – Phần 1: Xe không sạc từ bên ngoài
Số trang:31

Thay thế:TCVN 10469-1:2014

TCVN 10469-2:2025

Phương tiện giao thông đường bộ hybrid- điện – Đo khí thải và tiêu thụ nhiên liệu – Phần 2: Xe sạc từ bên ngoài
Số trang:21

Thay thế:TCVN 10469-2:2014

TCVN 12508:2025

Phương tiện giao thông đường bộ pin nhiên liệu – Đo tiêu thụ năng lượng – Xe chạy bằng hydro nén
Số trang:44

Thay thế:TCVN 12508:2018

TCVN 13716-2:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 2: Thử nghiệm tính năng của hệ thống động cơ
Số trang:18

TCVN 13716-3:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 3: Thử nghiệm tính năng của động cơ và bộ biến tần
Số trang:31

TCVN 13716-4:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 4: Thử nghiệm tính năng của bộ chuyển đổi DC/DC
Số trang:15

TCVN 13716-5:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 5: Thử nghiệm tải làm việc của hệ thống động cơ
Số trang:18

TCVN 13716-6:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 6: Thử nghiệm tải làm việc của động cơ và bộ biến tần
Số trang:30

TCVN 13716-7:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 7: Thử nghiệm tải làm việc của bộ chuyển đổi DC/DC
Số trang:11

TCVN 14338:2025

Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Truyền năng lượng từ trường không dây – Yêu cầu về an toàn và khả năng tương tác
Số trang:48

TCVN 14369:2025

Chất dẻo - Xác định chỉ số khúc xạ
Số trang:17

TCVN 14370:2025

Chất dẻo - Xác định tốc độ phân hủy sinh học hiếu khí đặc trưng

của vật liệu chất dẻo dạng rắn và thời gian bán hủy (DT50) ở các điều kiện thử ôn hòa trong phòng thử nghiệm
Số trang:24

TCVN 14371:2025

Chất dẻo - Đánh giá khả năng tự phân hủy sinh học của vật liệu phối nhiễm với chất nhiễm biến trong điều kiện phòng thí nghiệm hiếu khí ôn hòa - Phương pháp thử và các yêu cầu
Số trang:10

TCVN 14372:2025

Chất dẻo - Xác định mức độ phân rã của vật liệu chất dẻo trong môi sinh biển ở điều kiện thực tế
Số trang:26

TCVN 14399:2025

Chất dẻo – Polyetylen terephtalat (PET) tái chế
Số trang:29

TCVN 14488-1:2025

Ngân hàng lỗi – Dịch vụ tài chính di động – Phần 1: Khuôn kh
Số trang:49

TCVN 14552-1:2025

Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt và tấm đỡ bằng bê tông cho đường ray – Phần 1: Yêu cầu chung
Số trang:48

TCVN 14553-3:2025

Ứng dụng đường sắt – Tà vẹt, tấm đỡ và tà vẹt trên mặt cầu hở bằng composite polyme – Phần 3: Yêu cầu chung
Số trang:51

TCVN 14558-1:2025

Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 1: Từ vựng

- Số trang:15
TCVN 14560-1:2025
 Kết cấu hạ tầng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá
 Số trang:60
TCVN 14562:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống hãm – Chất lượng khí nén cho các thiết bị và hệ thống khí nén
 Số trang:21
TCVN 14565-2:2025
 Ứng dụng đường sắt – Tính toán hiệu năng hãm (hãm dừng, hãm giảm tốc và hãm khi đứng yên) – Phần 2: Các thuật toán tổng quát sử dụng phương pháp tính toán từng bước
 Số trang:45
TCVN 14569:2025
 Ứng dụng đường sắt – Bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt – Từ vựng
 Số trang:19
TCVN 14571-1:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện giao thông đường sắt – Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa
 Số trang:31
TCVN 14571-2:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện giao thông đường sắt – Phần 2: Tiềm nghi nhiệt
 Số trang:43
TCVN 14571-3:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện giao thông đường sắt – Phần 3: Hiệu suất năng lượng
 Số trang:33
TCVN 14572-1:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống treo – Phần 1: Đặc tính và phương pháp thử đối với các chi tiết cơ khí - àn hồi
 Số trang:50
TCVN 14572-2:2025
 Ứng dụng đường sắt – Hệ thống treo – Phần 2: Quy trình phê duyệt và giám sát chất lượng đối với các chi tiết cơ khí - đàn hồi
 Số trang:11
TCVN 14573:2025
 Ứng dụng đường sắt – Khối lượng tham chiếu của phương tiện
 Số trang:26
TCVN 14574:2025
 Ứng dụng đường sắt – Phương pháp tính toán khả năng tái chế và thu hồi đối với phương tiện giao thông đường sắt
 Số trang:25
- ❖ **TIÊU CHUẨN ISO**
- ISO 29481-1:2025**
 Building information models — Information delivery manual
 Part 1: Methodology and format
 Pages: 32
 Replaces: ISO 29481-1:2016
- ISO 2950:2025**
 Brown coals and lignites — Classification by types on the basis of total moisture mass fraction and tar yield
 Pages: 3
 Replaces: ISO 2950:1974
- ISO 31657-1:2025**
 Plain bearings — Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions
 Part 1: Calculation of multi-lobed and tilting pad journal bearings
 Pages: 38
 Replaces: ISO/TS 31657-1:2020
- ISO 31657-2:2025**
 Plain bearings — Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions
 Part 2: Characteristic values for calculation of multilobed journal bearings
 Pages: 67
 Replaces: ISO/TS 31657-2:2020
- ISO 31657-3:2025**
 Plain bearings — Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions
 Part 3: Characteristic values for calculation of tilting pad journal bearings
 Pages: 73
 Replaces: ISO/TS 31657-3:2020
- ISO 31657-4:2025**
 Plain bearings — Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions
 Part 4: Permissible operational parameters for calculation of multi-lobed and tilting pad journal bearings
 Pages: 6
 Replaces: ISO/TS 31657-4:2020
- ISO 33408:2025**
 Guidance for the production of pure inorganic substance certified reference materials
 Pages: 56
- ISO 3377-2:2025**
 Leather — Physical and mechanical tests
 Part 2: Determination of double edge tear load
 Pages: 3
 Replaces: ISO 3377-2:2016
- ISO 3601-2:2025**

Fluid power systems — O-rings Part 2: Housing dimensions for general applications Pages: 55 Replaces: ISO 3601-2:2016 ISO 3842:2006/Amd 1:2025 Road vehicles — Fifth wheels — Interchangeability Amendment 1 Pages: 2 ISO 3888-2:2025 Passenger cars — Test track for a severe lane-change manoeuvre Part 2: Obstacle avoidance Pages: 6 Replaces: ISO 3888-2:2011 ISO 4149:2025 Green coffee — Olfactory and visual examination and determination of foreign matter and defects Pages: 6 Replaces: ISO 4149:2005 ISO 4184:2025 Belt drives — Classical and narrow V-belts — Lengths in datum system Pages: 8 Replaces: ISO 4184:1992 ISO 4301-4:2025 Cranes — Classification Part 4: Jib cranes Pages: 11 Replaces: ISO 4301-4:1989 ISO 5222-1:2025 Heat recovery ventilators and energy recovery ventilators — Testing and calculating methods for performance factor Part 1: Sensible heating recovery seasonal performance factors of heat recovery ventilators (HRVs) Pages: 21	Replaces: ISO 5222-1:2023 ISO 5403-1:2025 Leather — Determination of water resistance of flexible leather Part 1: Repeated linear compression (penetrometer) Pages: 8 Replaces: ISO 5403-1:2011 ISO 6080:2024/Amd 1:2025 Tobacco heating systems — Vocabulary Amendment 1 Pages: 5 ISO 6563:2025 Rear load carrier for wheeled vehicles — Requirements and test methods Pages: 39 ISO 6578:2025 Refrigerated hydrocarbon liquids — Static measurement — Calculation procedure Pages: 19 ISO 6578:2017 ISO 6631:2025 Tissue-engineered medical products — Quantification of bovine type I collagen marker peptide with liquid chromatography — Tandem mass spectrometry Pages: 10 ISO 6673:2025 Green coffee — Determination of loss in mass at 105 °C Pages: 5 Replaces: ISO 6673:2003 ISO 6683:2025 Earth-moving machinery — Seat-belt assemblies and seat- belt anchorages — Performance requirements and tests Pages: 10 Replaces: ISO 6683:2005	ISO 6876:2025 Dentistry — Endodontic sealing materials Pages: 20 Replaces: ISO 6876:2012 ISO 7206-12:2025 Implants for surgery Partial and total hip joint prostheses — Part 12: Deformation test method for press-fit acetabular components Pages: 10 Replaces: ISO 7206-12:2016 ISO 7240-1:2025 Fire detection and alarm systems Part 1: General and definitions Pages: 17 Replaces: ISO 7240-1:2014 ISO 7303:2025 Simplified method for prediction of the oral bioaccessibility of metals and metalloids in soils Pages: 30 ISO 7304-1:2025 Durum wheat semolina and alimentary pasta — Estimation of cooking quality of alimentary pasta by sensory analysis Part 1: Reference method Pages: 9 Replaces: ISO 7304-1:2016 ISO 7404-1:2025 Coal — Methods for petrographic analysis Part 1: Vocabulary Pages: 7 Replaces: ISO 7404-1:2016 ISO 7404-2:2025 Coal — Methods for petrographic analysis Part 2: Method of preparing coal samples Pages: 12
--	--	--

- Replaces: ISO 7404-2:2009
ISO 7404-3:2025
 Coal — Methods for petrographic analysis
 Part 3: Method of determining maceral group composition
 Pages: 8
 Replaces: ISO 7404-3:2009
ISO 7404-4:2025
 Coal — Methods for petrographic analysis
 Part 4: Method of determining microlithotype, carbominerite and minerite composition
 Pages: 9
 Replaces: ISO 7404-4:2017
ISO 7404-5:2025
 Coal — Methods for petrographic analysis
 Part 5: Method of determining microscopically the reflectance of vitrinite
 Pages: 15
 Replaces: ISO 7404-5:2009
ISO 7726:2025
 Ergonomics of the thermal environment — Instruments for measuring and monitoring physical quantities
 Pages: 49
 Replaces: ISO 7726:1998
ISO 7819:2025
 Lithium — Vocabulary
 Pages: 17
ISO 80601-2-70:2025
 Medical electrical equipment
 Part 2-70: Particular requirements for basic safety and essential performance of sleep apnoea breathing therapy equipment
 Pages: 78
 Replaces: ISO 80601-2-70:2020
ISO 8124-1:2022/Amd 1:2025
 Safety of toys — Part 1: Safety aspects related to mechanical and physical properties
 Amendment 1
 Pages: 3
ISO 8858-3:2025
 Coal — Froth flotation testing
 Part 3: Release evaluation
 Pages: 9
 Replaces: ISO 8858-3:2004
ISO 8932-1:2025
 Meteorology — Radiosonde
 Part 1: Laboratory test method for calibration error of temperature sensor in radiosonde
 Pages: 12
ISO 8939:2025
 Decommissioning of medical cyclotron
 Pages: 18
ISO 9276-1:2025
 Representation of results of particle size analysis
 Part 1: Graphical representation
 Pages: 27
 Replaces: ISO 9276-1:1998/Cor 1:2004
ISO 9564-5:2025
 Financial services — Personal identification number (PIN) management and security
 Part 5: Methods for the generation, change, and verification of PINs
 Pages: 21
ISO 9829:2025
 Healthcare organization management — Pandemic response (respiratory) — Contact tracing
 Pages: 18
ISO/ASTM 52940:2025
 Additive manufacturing of ceramics — Feedstock materials — Characterization of ceramic slurry in vat photopolymerization
 Pages: 10
ISO/IEC 12792:2025
 Information technology — Artificial intelligence (AI) — Transparency taxonomy of AI systems
 Pages: 45
ISO/IEC 15420:2025
 Information technology — Automatic identification and data capture techniques — EAN/UPC bar code symbology specification
 Pages: 37
 Replaces: ISO/IEC 15420:2009
ISO/IEC 17629:2025
 Information technology — Office equipment — Method for measuring first print out time for digital printing devices
 Pages: 32
 Replaces: ISO/IEC 17629:2014
ISO/IEC 17839-1:2025
 Information technology — Biometric system-on-card
 Part 1: Core requirements
 Pages: 7
 Replaces: ISO/IEC 17839-1:2014
ISO/IEC 18000-6:2025
 Information technology — Radio frequency identification for item management
 Part 6: General parameters for air interface communications at 860 MHz to 930 MHz
 Pages: 9
 Replaces: ISO/IEC 18000-6:2013
ISO/IEC 18047-6:2025
 Information technology — Radio frequency identification

device conformance test methods	Part 1: Overview and concepts Pages: 12	Pages: 6 Replaces: ISO/IEC 23008-6:2021
Part 6: Test methods for air interface communications at 860 MHz to 930 MHz	ISO/IEC 19896-1:2018 ISO/IEC 19896-3:2025	ISO/IEC 23090-14:2025
Pages: 46 Replaces: ISO/IEC 18047-6:2017	Information security, cybersecurity and privacy protection — Requirements for the competence of IT security conformance assessment body personnel	Information technology — Coded representation of immersive media
ISO/IEC 19566-10:2024/Amd 1:2025	Part 3: Knowledge and skills requirements for evaluators and reviewers according to the ISO/IEC 15408 series and ISO/IEC 18045	Part 14: Scene description Pages: 129 Replaces: ISO/IEC 23090-14:2023
Information technology — JPEG Systems — Part 10: Reference software	Part 3: Knowledge and skills requirements for evaluators and reviewers according to the ISO/IEC 15408 series and ISO/IEC 18045	ISO/IEC 23090-16:2025
Amendment 1: Additional reference software implementations	Pages: 46 Replaces: ISO/IEC 19896-3:2018	Information technology — Coded representation of immersive media
Pages: 63 ISO/IEC 19752:2025	ISO/IEC 23000-22:2025/Amd 1:2025	Part 16: Reference software for versatile video coding Pages: 3 Replaces: ISO/IEC 23090-16:2022
Information technology — Office equipment — Method for the determination of toner cartridge yield for monochromatic electrophotographic printers and multi-function devices that contain printer components	Information technology — Multimedia application format (MPEG-A) — Part 22: Multi-image application format (MIAF) Amendment 1: Implementation based technologies for MIAF	ISO/IEC 23090-33:2025
Pages: 24 Replaces: ISO/IEC 19752:2017	Pages: 3	Information technology — Coded representation of immersive media
ISO/IEC 19798:2025	ISO/IEC 23001-10:2020/Amd 2:2025	Part 33: Conformance and reference software for haptics coding Pages: 36
Information technology — Office equipment — Method for the determination of toner cartridge yield for colour printers and multi-function devices that contain printer components	Information technology — MPEG systems technologies — Part 10: Carriage of timed metadata metrics of media in ISO base media file format Amendment 2: Support for display attenuation map	ISO/IEC 23090-34:2025
Pages: 19 Replaces: ISO/IEC 19798:2017	Pages: 6	Information technology — Coded representation of immersive media
ISO/IEC 19896-1:2025	ISO/IEC 23008-6:2025	Part 34: Immersive audio reference software Pages: 3
Information security, cybersecurity and privacy protection — Requirements for the competence of IT security conformance assessment body personnel	Information technology — High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments Part 6: 3D audio reference software	ISO/IEC 23090-4:2025
		Information technology — Coded representation of immersive media
		Part 4: MPEG-I immersive audio Pages: 625
		ISO/IEC 23093-1:2025
		Information technology — Internet of media things Part 1: Architecture

- Pages: 31
Replaces: ISO/IEC 23093-1:2022
ISO/IEC 24791-5:2025
Information technology — Radio frequency identification for item management software system infrastructurePart 5: Device interface
Pages: 18
Replaces: ISO/IEC 24791-5:2012
ISO/IEC 27404:2025
Cybersecurity — IoT security and privacy — Cybersecurity labelling framework for consumer IoT
Pages: 63
ISO/IEC 29110-5-2-1:2025
Systems and software engineering — Life cycle profiles for very small entities (VSEs)
Part 5-2-1: Organizational management guidelines
Pages: 43
Replaces: ISO/IEC TR 29110-5-2-1:2016
ISO/IEC 8803:2025
Information technology — 3D Printing and scanning — Accuracy and precision evaluation process for modelling from 3D scanned data
Pages: 25
ISO/IEC 9234:2025
Information technology — Information modelling for virtual, augmented and mixed reality based education and training systems
Pages: 37
ISO/IEC 9995-10:2025
Information technology — Keyboard layouts for text and office systems
Part 10: Conventional symbols and methods to represent graphic characters not uniquely recognizable by their glyph on keyboards and in documentation
Pages: 11
Replaces: ISO/IEC 9995-10:2013
ISO/IEC 9995-4:2025
Information technology — Keyboard layouts for text and office systems
Part 4: Numeric section
Pages: 9
Replaces: ISO/IEC 9995-4:2009
ISO/IEC TR 25005-2:2025
Information technology — Data use in smart citiesPart 2: Use case analysis and common considerations
Pages: 56
ISO/IEC TS 23220-6:2025
Cards and security devices for personal identification — Building blocks for identity management via mobile devices
Part 6: Mechanism for use of certification on trustworthiness of secure area
Pages: 35
ISO/IEC TS 33064:2025
Information technology — Process assessment — Process assessment model for safety processes
Pages: 21
Replaces: ISO/IEC TS 15504-10:2011
ISO/IEC TS 42119-2:2025
Artificial intelligence — Testing of AI
Part 2: Overview of testing AI systems
Pages: 34
ISO/IEC/IEEE 39274-1-1:2025
Learning technology — JavaScript Object Notation (JSON) data model format and Representational State Transfer (RESTful) web service for learner experience data tracking and access
Part 1-1: xAPI using JSON serialization and RESTful data transport
Pages: 109
ISO/IEC/IEEE DIS 26513
Systems and software engineering — Testing and reviewing of information for users
Pages: 39
ISO/IEC/IEEE 26513:2017
ISO/IEC/IEEE DIS 42024
Enterprise, systems and software — Architecture fundamentals
Pages: 74
ISO/PAS 24969:2025
Tourism and related services — Guidance on a contingency plan for infection prevention and control (IPC) in the exhibition industry
Pages: 19
ISO/TR 18155:2025
Railway applications — Principles of train detection for operations and services
Pages: 14
ISO/TR 18607:2025
Packaging and the environment — Information on environmentally conscious packaging design
Pages: 54

ISO/TR 25313:2025

Genomics informatics —
Challenges and standardization
needs for secondary use of
clinical genomics data
Pages: 13

ISO/TR 25741-1:2025

Lifts and escalators subject to
seismic conditions —
Compilation report
Part 1: Rule by rule comparison
Pages: 56

Replaces: ISO/TR 25741:2008

ISO/TR 5716:2025

Multivariate analysis using
anthropometric data and a
virtual fit tool
Pages: 8

ISO/TR 5757:2025

Earth-moving machinery —
Machines utilizing electric
rechargeable energy storage
systems (RESS)
Pages: 17

ISO/TR 7997:2025

Road vehicles — Control type
and layout of transmission gear
shifters and drive mode
selectors
Pages: 57

ISO/TS 14064-4:2025

Greenhouse gases
Part 4: Guidance for the
application of ISO 14064-1
Pages: 92

Replaces: ISO/TR 14069:2013

ISO/TS 14742:2025

Financial services —
Recommendations and
requirements on cryptographic
algorithms and their use
Pages: 36

Replaces: ISO/TR 14742:2010

ISO/TS 19166:2025

Geographic information —
Building information modelling

(BIM) to geographic
information systems (GIS)
conceptual mapping (B2GM)

Pages: 24

Replaces: ISO/TS 19166:2021

ISO/TS 22726-1:2025

Intelligent transport systems —
Dynamic data and map database
specification for connected and
automated driving system
applications

Part 1: Architecture and logical
data model for harmonization of
static map data

Pages: 269

Replaces: ISO/TS 22726-1:2023

ISO/TS 25336:2025

Plastics — Thermosetting resin-
based materials — Low-
temperature cracking index test
by embedded metal block
method

Pages: 10

ISO/TS 31514:2025

Requirements and
recommendations for food
traceability in cold chain
logistics

Pages: 12

ISO/TS 4452:2025

Specification and demonstration
of system reliability of single-
use drug delivery systems

Pages: 15

ISO/TS 5283-1:2025

Road vehicles — Driver
readiness and intervention
management

Part 1: Partial automation
(Level 2)

Pages: 37

ISO/TS 8100-10:2025

Lifts for the transport of
persons and goods
Part 10: Building Information
Modelling

Pages: 14

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

IEC 60086-1:2025 PRV

Primary batteries - Part 1:
General

Pages: 56

Replaces: IEC 60086-
1:2021/COR1:2022

IEC 60086-2-1:2025 PRV

Primary batteries - Part 2-1:
Physical and electrical
specifications of batteries with
aqueous electrolyte

Pages: 50

IEC 60086-2-2:2025 PRV

Primary batteries - Part 2-2:
Physical and electrical
specifications of lithium
batteries

Pages: 27

IEC 60205:2025 PRV

Calculation of the effective
parameters of magnetic piece
parts

Pages: 42

Replaces: IEC 60205:2016/
COR1:2018

IEC 60216-1:2025 CMV

Electrical insulating materials -
Thermal endurance properties
- Part 1: Ageing procedures and
evaluation of test results

Pages: 96

Replaces: IEC 60216-1:2013

IEC 60216-1:2025

Electrical insulating materials -
Thermal endurance properties
- Part 1: Ageing procedures and
evaluation of test results

Pages: 30

Replaces: IEC 60216-1:2013

IEC 60245-1:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated
voltages up to and including

450/750 V - Part 1: General requirements

Pages: 23

Replaces: IEC 60245-

1:2003+AMD1:2007 CSV

IEC 60245-3:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 3: Heat resistant silicone insulated cables

Pages: 8

Replaces: IEC 60245-

3:1994/AMD2:2011

IEC 60245-4:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 4: Cords and flexible cables

Pages: 21

Replaces: IEC 60245-4:2011

IEC 60245-6:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 6: Arc welding electrode cables

Pages: 8

Replaces: IEC 60245-

6:1994/AMD2:2003

IEC 60245-7:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 7: Heat resistant ethylene-vinyl acetate rubber insulated cables

Pages: 11

Replaces: IEC 60245-

7:1994/AMD1:1997

IEC 60245-8:2025 PRV

Rubber insulated cables - Rated voltages up to and including 450/750 V - Part 8: Cords for applications requiring high flexibility

Pages: 11

Replaces: IEC 60245-8:1998+AMD1:2003+AMD2:2011 CSV

IEC 60315-4:1997+

AMD1:2025 CSV

Methods of measurement on radio receivers for various classes of emission - Part 4: Receivers for frequency-modulated sound broadcasting emissions

Pages: 150

Replaces: IEC 60315-

4:1982/AMD1:1989

IEC 60315-

4:1997/AMD1:2025

Amendment 1 - Methods of measurement on radio receivers for various classes of emission - Part 4: Receivers for frequency-modulated sound broadcasting emissions

AMENDMENT

Pages: 6

Replaces: IEC 60315-

4:1982/AMD1:1989

IEC 60335-2-5:2025 CMV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-5: Particular requirements for dishwashers

Pages: 91

Replaces: IEC 60335-2-

5:2012+AMD1:2018 CSV

IEC 60335-2-5:2025 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-5: Particular requirements for dishwashers

Pages: 287

Replaces: IEC 60335-2-

5:2012+AMD1:2018 CSV

IEC 60335-2-5:2025

Household and similar electrical appliances - Safety -

Part 2-5: Particular requirements for dishwashers

Pages: 59

Replaces: IEC 60335-2-

5:2012+AMD1:2018 CSV

IEC 60335-2-105:2025 PRV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-105: Particular requirements for multifunctional shower cabinets

Pages: 19

Replaces: IEC 60335-2-

105:2016+AMD1:2019 CSV

IEC 60358-1:2025 RLV

Coupling capacitors and capacitor dividers - Part 1: General rules

Pages: 86

IEC 60358-1:2012/COR1:2013

IEC 60358-1:2025

Coupling capacitors and capacitor dividers - Part 1: General rules

Pages: 157

Replaces: IEC 60358-

1:2012/COR1:2013

IEC 60413:2025 PRV

Test procedures for determining physical properties of brush materials

Pages: 101

IEC 60730-2-12:2025

Automatic electrical controls - Part 2-12: Particular requirements for electrically operated door locks

Pages: 47

Replaces: IEC 60730-2-12:2015

IEC 60749-26:2025 CMV

Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 26: Electrostatic discharge (ESD) sensitivity

testing - Human body model (HBM)

Pages: 171

Replaces: IEC 60749-26:2018

IEC 60749-26:2025

Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 26: Electrostatic discharge (ESD) sensitivity testing - Human body model (HBM)

Pages: 50

Replaces: IEC 60749-26:2018

IEC 60794-1-126:2025 PRV

Optical fibre cables - Part 1-126: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Galloping, Method E26

Pages: 9

IEC 60947-6-1:2025 PRV

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 6-1: Multiple function equipment - Transfer switching equipment

Pages: 97

Replaces: IEC 60947-6-1:2021

IEC 60947-10:2025 PRV

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 10: Semiconductor circuit-breakers

Pages: 123

IEC 60966-4-4:2025

Radio frequency and coaxial cable assemblies - Part 4-4: Semi-rigid coaxial cable - Detail specification - Frequency range up to 6 000 MHz, type 50-5 multi-channel cables

Pages: 14

IEC 60974-10/AMD1:2025 PRV

Amendment 1 - Arc welding equipment - Part 10:

Electromagnetic compatibility (EMC) requirements

Pages: 16

Replaces: IEC 60974-10:2020

IEC 61076-2-111:2025

Connectors for electrical and electronic equipment - Product requirements - Part 2-111: Circular connectors - Detail specification for power connectors with M12 screw-locking

Pages: 136

Replaces: IEC 61076-2-

111:2017

IEC TR 61169-1-8:2025

Radio-frequency connectors - Part 1-8: Electrical test methods - Voltage standing wave ratio for a single connector by double connector method

Pages: 18

IEC 61300-2-33:2025 PRV

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-33: Tests - Assembly and disassembly of fibre optic mechanical splices, fibre management systems, protective housings and hardened connectors

Pages: 10

Replaces: IEC 61300-2-33:2012

IEC 61300-3-7:2021+

AMD1:2025 CSV

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-7: Examinations and measurements - Wavelength dependence of attenuation and

return loss of single mode components

Pages: 62

Replaces: IEC 61300-3-7:2009

IEC 61300-3-7:2021/AMD1:2025

Amendment 1 - Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-7: Examinations and measurements - Wavelength dependence of attenuation and return loss of single mode components

AMENDMENT

Pages: 2

Replaces: IEC 61300-3-7:2009

IEC 61300-3-50:2025 RLV

Fibre optic interconnecting devices and passive

components - Basic test and measurement procedures - Part

3-50: Examinations and measurements - Crosstalk for

optical spatial switches

Pages: 35

Replaces: IEC 61300-3-

50:2013/COR2:2015

IEC 61300-3-50:2025

Fibre optic interconnecting devices and passive

components - Basic test and measurement procedures - Part

3-50: Examinations and

measurements - Crosstalk for optical spatial switches

Pages: 23

Replaces: IEC 61300-3-

50:2013/COR2:2015

IEC 61400-1:2019+

AMD1:2025 CSV

Wind energy generation systems - Part 1: Design requirements

Pages: 358 Replaces: IEC 61400-1:2005+AMD1:2010 CSV/COR1:2016 IEC 61400-1:2019/AMD1:2025 Amendment 1 - Wind energy generation systems - Part 1: Design requirements AMENDMENT Pages: 33 Replaces: IEC 61400-1:2005+AMD1:2010 CSV/COR1:2016 IEC 61577-6:2025 PRV Radiation protection instrumentation - Radon and radon decay product measuring instruments - Part 6: Passive integrating radon measurement system using solid-state nuclear track detectors Pages: 24 IEC 61753-022-13:2025 PRV Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 022-13: Multimode fibre optic connectors terminated as pigtails and patchcords for category OP+ HD- Extended outdoor protected environment with additional heat dissipation Pages: 17 IEC 61757:2025 PRV Fibre optic sensors - Generic specification Pages: 42 Replaces: IEC 61757:2018 IEC 61757-1-4:2025 Fibre optic sensors - Part 1-4: Strain measurement - Distributed sensing based on Rayleigh scattering Pages: 27 IEC 61757-8-1:2025	Fibre optic sensors - Part 8-1: Pressure measurement – Pressure sensors based on fibre Bragg gratings Pages: 50 IEC 61800-9-2:2023+AMD1:2025 CSV Adjustable speed electrical power drive systems (PDS) - Part 9-2: Ecodesign for motor systems - Energy efficiency determination and classification Pages: 268 Replaces: IEC 61800-9-2:2017 IEC 61800-9-2:2023/AMD1:2025 Amendment 1 - Adjustable speed electrical power drive systems (PDS) - Part 9-2: Ecodesign for motor systems - Energy efficiency determination and classification AMENDMENT Pages: 4 Replaces: IEC 61800-9-2:2017 IEC 61811-1:2015+AMD1:2025 CSV Electromechanical telecom elementary relays of assessed quality - Part 1: Generic specification and blank detail specification Pages: 108 Replaces: IEC 61811-1:1999 IEC 61811-1:2015/AMD1:2025 Amendment 1 - Electromechanical telecom elementary relays of assessed quality - Part 1: Generic specification and blank detail specification AMENDMENT Pages: 4	Replaces: IEC 61811-1:1999 IEC 62031:2025 PRV LED modules - Safety requirements Pages: 46 Replaces: IEC 62031:2018 IEC 62271-208:2025 High-voltage switchgear and controlgear - Part 208: Methods to quantify the steady state, power-frequency electromagnetic fields generated by HV switchgear assemblies and HV/LV prefabricated substations, both for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 Kv Pages: 105 IEC PAS 62443-1-6:2025 Security for industrial automation and control systems - Part 1-6: Application of the 62443 series to the Industrial Internet of Things (IIoT) Pages: 35 IEC 62541-1:2025 RLV OPC Unified Architecture - Part 1: Overview and concepts Pages: 91 Replaces: EC TR 62541-1:2020 IEC 62541-1:2025 OPC Unified Architecture - Part 1: Overview and concepts Pages: 60 Replaces: IEC TR 62541-1:2020 IEC 62541-3:2025 RLV OPC Unified Architecture - Part 3: Address Space Model Pages: 427 Replaces: IEC 62541-3:2020 IEC 62541-3:2025 OPC Unified Architecture - Part 3: Address Space Model Pages: 138
--	--	---

Replaces: IEC 62541-3:2020 IEC 62541-4:2025 RLV OPC unified architecture - Part 4: Services Pages: 751	IEC 62541-12:2025 OPC unified architecture - Part 12: Discovery and global services Pages: 142	Amendment 1 - Photovoltaic (PV) arrays - Part 1: Design requirements AMENDMENT Pages: 11
Replaces: IEC 62541-4:2020 IEC 62541-4:2025 OPC unified architecture - Part 4: Services Pages: 502	Replaces: IEC 62541-12:2020 IEC 62541-13:2025 RLV OPC Unified Architecture - Part 13: Aggregates Pages: 235	IEC 62590-2-1:2025 Railway applications - Electronic power converters for fixed installations - Part 2-1: DC traction applications - Uncontrolled rectifiers Pages: 92
Replaces: IEC 62541-4:2020 IEC 62541-6:2025 OPC unified architecture - Part 6: Mappings Pages: 138	Replaces: IEC 62541-13:2020 IEC 62541-13:2025 OPC Unified Architecture - Part 13: Aggregates Pages: 64	IEC 62590-2-2:2025 PRV Railway applications - Electronic power converters for fixed installations - Part 2-2: DC applications - Controlled converters Pages: 46
Replaces: IEC 62541-7:2020 IEC 62541-7:2025 OPC Unified Architecture - Part 7: Profiles Pages: 333	Replaces: IEC 62541-13:2020 IEC 62541-17:2025 OPC unified architecture - Part 17: Alias Names Pages: 24	IEC TS 62607-6-27:2025 Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 6-27: Graphene-related products - Field-effect mobility for layers of two-dimensional materials: field-effect transistor method Pages: 19
Replaces: IEC 62541-8:2020 IEC 62541-8:2025 OPC unified architecture - Part 8: Data access Pages: 92	IEC 62541-20:2025 OPC unified architecture - Part 20: File transfer Pages: 26	IEC 62820-1-1:2025 PRV Building intercom systems - Part 1-1: System requirements - General Pages: 38
Replaces: IEC 62541-8:2020 IEC 62541-10:2025 RLV OPC Unified Architecture - Part 10: Programs Pages: 140	IEC 62541-22:2025 OPC unified architecture - Part 22: Base Network Model Pages: 39	Replaces: IEC 62820-1-1:2016 IEC 62841-2-16/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-16: Particular requirements for hand-held fastener driving tools Pages: 7
Replaces: IEC 62541-10:2020 IEC 62541-10:2025 OPC Unified Architecture - Part 10: Programs Pages: 87	IEC 62541-23:2025 OPC unified architecture - Part 23: Common ReferenceTypes Pages: 24	IEC 62841-2-16:2024 IEC TS 62876-3-4:2025
Replaces: IEC 62541-10:2020 IEC 62541-11:2025 RLV OPC Unified Architecture - Part 11: Historical Access Pages: 229	IEC 62541-100:2025 OPC unified architecture - Part 100: Devices Pages: 310	
Replaces: IEC 62541-11:2020 IEC 62541-11:2025 OPC Unified Architecture - Part 11: Historical Access Pages: 73	Replaces: IEC 62541-100:2015 IEC 62548-1:2023+AMD1:2025 CSV Photovoltaic (PV) arrays - Part 1: Design requirements Pages: 213	
Replaces: IEC 62541-11:2020	IEC 62548-1:2023/AMD1:2025	

Nanomanufacturing - Reliability assessment - Part 3-4: Linearity of output characteristics for metal contacted 2D semiconductor devices

Pages: 24

IEC 62908-12-10:2025 RLV

Touch and interactive displays - Part 12-10: Measurement methods of touch displays - Touch and electrical performance

Pages: 93

Replaces: IEC 62908-12-10:2023

IEC 62908-12-10:2025

Touch and interactive displays - Part 12-10: Measurement methods of touch displays - Touch and electrical performance

Pages: 46

Replaces: IEC 62908-12-10:2023

IEC 62933-5-4:2025 PRV

Electrical energy storage (EES) systems Part 5-4: Safety test methods and procedures for grid integrated EES systems - Lithium ion battery-based systems

Pages: 35

IEC 63041-1:2025 PRV

Piezoelectric sensors - Part 1: Generic specifications

Pages: 30

IEC 63093-2:2025 RLV

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 2: Pot-cores for use in telecommunications, power supply, and filter applications

Pages: 37

Replaces: IEC 63093-2:2020 IEC 63093-2:2025

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 2: Pot-cores for use in telecommunications, power supply, and filter applications

Pages: 18

Replaces: IEC 63093-2:2020 IEC 63093-5:2025 RLV

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 5: EP-cores and associated parts for use in inductors and transformers

Pages: 31

IEC 63093-5:2025

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 5: EP-cores and associated parts for use in inductors and transformers

Pages: 15

Replaces: IEC 63093-5:2018

IEC TS 63283-2:2025

Industrial-process measurement, control and automation - Smart manufacturing - Part 2: Use cases

Pages: 204

IEC 63316:2025 PRV

Audio/video, information and communication technology equipment – Safety – Power transfer between communications equipment ports using communication wires and cables cabling at non-mains voltage above 60 V DC and ES2/ES3 AC voltage

Pages: 33

IEC TR 63400:2025 RLV

Nuclear facilities - Instrumentation, control and electrical power systems important to safety - Structure of the IEC SC 45A standards series

Pages: 144

Replaces: IEC TR 63400:2021

IEC TR 63400:2025

Nuclear facilities - Instrumentation, control and electrical power systems important to safety - Structure of the IEC SC 45A standards series

Pages: 69

Replaces: IEC TR 63400:2021

IEC 63413:2025 PRV

Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Platform qualification

Pages: 40

IEC TS 63414:2025

Artificial pollution tests on high-voltage polymeric insulators to be used on AC and DC systems

Pages: 39

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

BS EN ISO 3169:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Methods for chemical analysis of impurities in aluminium oxide powders using inductively coupled plasma-optical emission spectrometry

BS EN ISO 14627:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical

ceramics) — Test method for fracture resistance of silicon nitride materials for rolling bearing balls at room temperature by indentation fracture (IF) method BS EN ISO 17162:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Mechanical properties of monolithic ceramics at room temperature — Determination of compressive strength BS EN ISO 3506-7:2025 Fasteners — Mechanical properties of corrosion-resistant stainless steel fasteners - Flat washers with specified grades and property classe BS ISO 1139:2025 Textiles. Designation of yarns BS EN 9242:2025 Aerospace series. Programme management. Guide for establishing and implementing a development plan BS EN 18144:2025 Online gambling. Markers of harm in support of identification and prevention of risky and problem gambling behaviour BS EN ISO 18249:2025 Non-destructive testing. Acoustic emission testing. Specific methodology and general evaluation criteria for testing of fibre-reinforced polymers BS EN ISO/ASTM 52967:2025 Additive manufacturing for aerospace — General principles — Part classifications	for additive manufactured parts used in aviation BS EN IEC 62933-4-3:2025 Electrical energy storage(EES) systems - Protection requirements of battery-based energy storage systems (BESS) according to environmental conditions BS ISO 24120-3:2025 Agricultural irrigation equipment — Guidelines on the implementation of pressurized irrigation systems - Sprinkler irrigation BS EN 50413:2019+A1:2025 Basic standard on measurement and calculation procedures for human exposure to electric, magnetic and electromagnetic fields (0 Hz - 300 GHz) Replace: BS EN 50413:2008+A1:2013 BS ISO 24120-3:2025 Agricultural irrigation equipment — Guidelines on the implementation of pressurized irrigation systems - Sprinkler irrigation BS EN ISO 22568-1:2019 +A1:2025 Foot and leg protectors — Requirements and test methods for footwear components - Part 1: Metallic toecaps Replace: BS EN 12568:2010 PD CEN/TR 18240:2025 Safety of toys - Mechanical and physical properties - Guidance on the requirements for food-imitating toys in EN 71-1 BS EN ISO 22568-2:2019 +A1:2025 Foot and leg protectors — Requirements and test methods	for footwear components - Part 2: Non-metallic toecaps Replace: BS EN 12568:2010 BS ISO 18794:2025 Coffee. Sensory analysis. Vocabulary BS ISO 16843-1:2025 Health informatics — Categorical structures for representation of acupuncture - Acupuncture points BS EN ISO 18674-7:2025 Geotechnical investigation and testing — Geotechnical monitoring by field instrumentation - Measurement of strains: Strain gauges BS ISO 8347:2025 Measurement procedures associated with the chain of custody in native tropical forest management areas BS EN 13141-7:2021 +A1:2025 Ventilation for buildings — Performance testing of components/products for residential ventilation - Performance testing of ducted mechanical supply and exhaust ventilation units (including heat recovery) PD CEN/TS 18194:2025 Road and airfield surface characteristics — Characterisation of the acoustic properties of road surfaces BS EN 50736:2025 Railway application — Communication, signalling and processing system — Test requirements for signalling and telecommunication equipment BS EN 12697-48:2021 +A1:2025
---	---	---

Bituminous mixtures — Test methods - Interlayer Bonding PD ISO/TS 11665-13:2025	Replace:BS EN 81-82:2013 BS EN 81-83:2025	for household and similar applications) – Examples of standardized systems of fuses A to F
Measurement of radioactivity in the environment — Air: radon 222 - Determination of the diffusion coefficient in waterproof materials: membrane two-side activity concentration test method BS EN 18184:2025	Safety rules for the construction and installation of lifts — Existing lifts - Rules for the improvement of the resistance against vandalism BS EN ISO 15363:2025	Replace: BS HD 60269-3:2010+A2:2022 BS IEC 61196-1-114:2025
Financial services — Specification of QR codes for mobile initiated (instant) credit transfers BS EN IEC 61540:2025 +A11:2025	Metallic materials — Tube ring hydraulic pressure test BS EN ISO 24232:2025	Coaxial communication cables - Electrical test methods — Test for inductance BS EN IEC 62841-2-20:2025+A11:2025
Portable residual current devices (PRCDs) without integral overcurrent protection for household and similar use PD CEN/TR 18241:2025	Protective clothing — Protection against rain Replace: BS EN 343:2019 BS EN ISO 4255:2025	Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery. Safety - Particular requirements for hand-held band saws Replace:BS EN 60745-2-20:2009 BS EN IEC 62841-2-19:2025+A11:2025
Privacy management in products and services — Biometric access control products and services PD CEN/TR 18242:2025	Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Mechanical properties of ceramic composites at high temperature — Determination of axial tensile properties of tubes PD ISO/TR 42504:2025	Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery – Safety - Part 2-19: Particular requirements for hand-held jointers Replace: BS EN 60745-2-19:2009+A1:2010 BS EN ISO 17510:2025
Road restraint systems - Determination of collision forces on bridges as a result of an impact of a vehicle on a restraint system BS EN 18092:2025	Sharing economy — Illustrative examples of provider verification on digital platforms BS ISO 20070:2025	Medical devices — Sleep apnoea breathing therapy — Masks and application accessories Replace:BS EN ISO 17510:2020 BS EN IEC 62841-2-22:2025+A11:2025
Design-for-recycling guidelines for plastic construction products — Insulation products of expanded polystyrene (EPS) BS EN 81-82:2025	Biotechnology. Biobanking. Requirements for primary containers for storing biological materials in biobanks BS ISO 21557:2025	Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery – Safety - Part 2-22: Particular requirements for hand-held cut-off machines Replace:BS EN 60745-2-22:2011+A11:2013
Safety rules for the construction and installation of lifts — Existing lifts - Rules for the improvement of the accessibility of existing lifts for persons including persons with disability	Mining. Mining methods. Classification and specification BS ISO 37306:2025	
	Liquid petroleum products — Determination of distillation characteristics at atmospheric pressure — Micro-distillation BS EN IEC 60269-3:2025	
	Low-voltage fuses - Part 3: Supplementary requirements for fuses for operation by unskilled persons (fuses mainly	

<p>BS IEC 61326-2-7:2025 Electrical equipment for measurement, control and laboratory use. EMC requirements - Particular requirements. Test configurations, operational conditions, test levels and performance criteria for devices with Ethernet-APL interfaces</p> <p>PD ISO/TR 8234:2025 Road vehicles — Pre-crash classification systems</p> <p>BS EN 14215:2025 Textile floor coverings — Classification of rugs and runners Replace: BS EN 14215:201</p> <p>PD IEC TS 62627-09:2016+A1:2025 Fibre optic interconnecting devices and passive components - Part 09: Vocabulary for passive optical devices</p> <p>PD IEC TR 63633:2025 Design and application of retrofit LED lamps</p> <p>BS EN 15016-2:2023+A1:2025 Railway applications — Technical documents - Parts lists</p> <p>BS EN ISO 5014:2025 Dense and insulating shaped refractory products — Determination of modulus of rupture at ambient temperature</p> <p>BS ISO 3601-2:2025 Fluid power systems — O-rings - Housing dimensions for general applications</p> <p>PD IEC TS 62607-6-26:2025 Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 6-</p>	<p>26: Graphene-related products - Fracture strain and stress, Young's modulus, residual strain and residual stress: bulge test</p> <p>BS ISO/IEC 4932:2025 Information Technology — Learning, education and training — Access for All (AfA) metadata for accessibility core properties</p> <p>BS EN 10242:2025 Threaded pipe fittings in malleable cast iron</p> <p>BS EN 10284:2025 Malleable cast iron fittings with compression ends for polyethylene (PE) piping systems</p> <p>BS EN 17826:2025 Child care articles — Chemical hazards — Requirements</p> <p>BS ISO 16675:2025 Petroleum and related products — Determination of anti-aging for phosphate ester turbine control fluids</p> <p>BS EN ISO 18227:2025 Environmental solid matrices — Determination of elemental composition by X-ray fluorescence spectrometry</p> <p>BS EN 16647-1:2025 Alcohol powered flueless fireplaces — Safety requirements and test methods - Manually operated decorative fireplaces for domestic use</p> <p>BS ISO/IEC 27566-1:2025 Information security, cybersecurity and privacy protection — Age assurance systems - Framework</p> <p>BS IEC 61874:2025</p>	<p>Nuclear instrumentation - Geophysical borehole instrumentation to determine rock density ('density logging')</p> <p>BS EN 10342:2025 Magnetic materials — Classification of surface insulations of electrical steel sheet, strip and laminations</p> <p>BS EN 4855-02:2025 Aerospace series — ECO efficiency of catering equipment - Oven equipment</p> <p>BS EN ISO 10059-1:2025 Dense shaped refractory products — Determination of cold compressive strength - Referee test without packing</p> <p>BS EN ISO 24181-1:2025 Rare earth. Determination of non-rare earth impurities in individual rare earth metals and their oxides. ICP-AES - Analysis of Al, Ca, Mg, Fe and Si</p> <p>BS ISO 16313-1:2025 Laboratory test of dust collection systems utilizing filter media with automatic online cleaning - System utilizing integrated fans</p> <p>BS ISO 18953:2025 Steel structures — Structural bolting — Test methods to determine loss of pretension from faying surface coatings</p> <p>BS ISO 20309:2025 Biotechnology — Biobanking — Requirements for deep-sea biological material</p> <p>BS EN 4700-001:2025 Aerospace series? Steel and heat-resisting alloys for wrought products? Technical specification - Plates, sheets and strips</p>
---	---	---

BS EN 4700-002:2025

Aerospace series — Steel and heat-resisting alloys for wrought products — Technical specification - Bars and sections
Replace: BS EN 4700-002:2021

BS EN 4700-003:2025

Aerospace series — Steel and heat-resisting alloys for wrought products — Technical specification - Tubes

BS EN 4700-005:2025

Aerospace series — Steel and heat-resisting alloys for wrought products — Technical specification - Forging stocks

BS EN 4700-006:2025

Aerospace series — Steel and heat-resisting alloys for wrought products — Technical specification - Pre-production and production forgings

BS EN 13757-4:2025

Communication systems for meters - Wireless M-Bus communication

Replace: BS EN 13757-4:2019

PD ISO/TR 23310:2025

Uncrewed aircraft systems — UAS traffic management (UTM) — Study on functional and performance requirements for UTM systems

PD ISO/TR 25439:2025

Design examples of concrete-filled steel tubular (CFST) hybrid structures in accordance with ISO 16521

BS ISO 8159:2025

Textiles — Morphology of fibres and yarns — Vocabulary

BS EN ISO 8894-2:2025

Refractory materials — Determination of thermal

conductivity - Hot-wire method (parallel)

Replace: BS EN 993-15:2005

PAS 247:2025

Carbon-abated electricity.

Monitoring and quantification of carbon capture, transportation and storage. Specification

BS IEC/IEEE 80005-3:2025

Utility connections in port - Part 3: Low-voltage shore connection (LVSC) systems - General requirements

BS ISO 18990:2025

Measurement of radioactivity in urine-²³⁸Pu, ²³⁹Pu and ²⁴⁰Pu -

Test method using alpha spectrometry or ICP-MS

BS ISO 7148-1:2025

Plain bearings — Testing of the tribological behaviour of bearing materials - Testing of bearing metals

Replace: BS ISO 7148-1:2012

PD ISO/TS 11059:2025

Milk and milk products — Method for the enumeration of *Pseudomonas* spp

PD CEN/TS 17011-4:2025

Electronic Public Procurement — Architecture - Technical architecture

BS ISO 24758-1:2025

Fine bubble technology — Evaluation method for determining the reactive oxygen species in ultrafine bubble dispersions - Probe based kinetic model

PD IEC TS 63493-1:2025

Transformer bushings dimensional standardization - Part 1: Medium voltage bushings with U_m from 12 kV up to and including 52 kV

and I_r from 630 A up to and including 3 150 A

PD IEC TS 62257-350:2025

Renewable energy off-grid systems - Part 350:

Recommendations for selection of inverters

BS EN ISO 18862:2025

Coffee and coffee products.

Determination of acrylamide. Methods using high-

performance liquid chromatography with tandem mass spectrometric detection

(HPLC-MS/MS) and gas chromatography with mass spectrometric detection (GC-MS) after derivatization

BS EN ISO 17117-1:2025

Health informatics — Terminological resources - Characteristics

BS EN 12814-5:2025

Testing of welded joints of thermoplastics semi-finished products - Macroscopic examination

BS EN 15051-2:2025

Workplace exposure — Measurement of the dustiness of bulk materials - Rotating drum method

Replace: BS EN 15051-2:2013+A1:2016

BS EN ISO 11929-3:2025

Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation — Fundamentals and application - Applications to unfolding methods

Replace: BS EN ISO 11929-3:2021

- PD IEC TR 61169-1-8:2025**
Radio-frequency connectors -
Electrical test methods —
Voltage standing wave ratio for
a single connector by double
connector method
- BS EN 13260:2025**
Railway applications —
Wheelsets and bogies —
Wheelsets — Product
requirements
Replace: BS EN 13260:2020
- BS ISO 15222:2025**
Truck and bus tyres — Method
for measuring relative wet grip
performance — Loaded new
tyres
Replace: BS ISO 15222:2021
- BS EN ISO 80601-2-70:2025**
Medical electrical equipment -
Part 2-70: Particular
requirements for basic safety
and essential performance of
sleep apnoea breathing therapy
equipment
Replace: BS EN ISO 80601-2-
70:2020
- PD IEC TS 60815-2:2025** - TC
Selection and dimensioning of
high-voltage insulators intended
for use in polluted conditions -
Ceramic and glass insulators for
AC systems
- PD IEC TS 61836:2025**
Solar photovoltaic energy
systems - Terms, definitions and
symbols
- BS EN ISO 1135-4:2025**
Transfusion equipment for
medical use - Transfusion sets
for single use, gravity feed
Replace: BS EN ISO 1135-
4:2015
- BS EN ISO 1135-5:2025**
Transfusion equipment for
medical use - Transfusion sets
for single use with pressure
infusion apparatus
Replace: BS EN ISO 1135-5:2015
- BS ISO 4407:2025**
Hydraulic fluid power — Fluid
contamination —
Determination of particulate
contamination by the counting
method using an optical
microscope
Replace: BS ISO 4407:2002
- BS ISO/IEC 29192-
1:2012+A1:2025**
Information technology.
Security techniques.
Lightweight cryptography -
General
- BS IEC/IEEE 61869-21:2025**
Instrument transformers -
Uncertainty evaluation in the
accuracy test of instrument
transformers
- BS EN 50174-4:2025**
Information technology. Cabling
installation - Testing of installed
optical fibre cabling
- PD ISO/TR 18728:2025**
Health informatics — Global
medicinal product and
ingredient and batch
registration as part of
identification of medicinal
products (IDMP)
- PD CLC IEC/TS 62271-5:2025**
High-voltage switchgear and
controlgear - Part 5: Common
specifications for direct current
switchgear and controlgear
- PD IEC TS 62607-6-27:2025**
Nanomanufacturing. Key
control characteristics -
Graphene-related products.
Field-effect mobility for layers
of two-dimensional materials:
field-effect transistor method
- BS ISO 21224:2025**
Evaluation of centreline
segregation of continuously cast
slabs
- BS IEC 63093-15:2025**
Ferrite cores — Guidelines on
dimensions and the limits of
surface irregularities - U-cores
- BS IEC 63182-7:2025**
Magnetic powder cores —
Guidelines on dimensions and
the limits of surface
irregularities - EER-cores
- BS IEC 63182-8:2025**
Magnetic powder cores —
Guidelines on dimensions and
the limits of surface
irregularities - U-cores
- BS EN 12080:2025**
Railway applications. Axleboxes.
Rolling bearings
- BS ISO 16642:2025**
Management of terminology
resources — Terminological
markup framework
Replace: BS ISO 16642:2017
- BS ISO 21501-1:2025**
Determination of particle size
distribution — Single particle
light interaction methods - Light
scattering aerosol spectrometer
Replace: BS ISO 21501-1:2009
- PD CLC IEC/TS 62271-
316:2025**
High-voltage switchgear and
controlgear - Direct current by-
pass switches and paralleling
switches
- PD CLC IEC/TS 62271-
314:2025**
High-voltage switchgear and
controlgear - Part 314: Direct

current disconnectors and earthing switches

BS IEC 63093-15:2025

Ferrite cores — Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - U-cores

BS EN 3638:2025

Aerospace series. Heat-resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15

(1.4980). Consumable electrode remelted. Solution treated and precipitation treated. Sheets, strips and plates. $0,5 \leq a \leq 10$ mm

BS EN 14078:2025

Liquid petroleum

BS ISO 16367:2025

products — Determination of fatty acid methyl ester (FAME) content in middle distillates — Infrared spectrometry method

BS ISO 16367:2025

Tools for pressing — Guide plates — U- and V-blocks

Replace: BS ISO 16367:2008

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM A684/A684M-25a

Standard Specification for Steel, Strip, High-Carbon, Cold-Rolled

Pages: 9
Replace: ASTM A684/A684M-25

ASTM A962/A962M-25a

Standard Specification for Common Requirements for Bolting Intended for Use at Any Temperature from Cryogenic to the Creep Range

Pages: 14
Replace: ASTM A962/A962M-25

ASTM B320-25

Standard Practice for Preparation of Iron Castings for Electroplating

Pages:4
Replace: ASTM B320-60(2019)

ASTM B359/B359M-25e1

Standard Specification for Copper and Copper-Alloy Seamless Condenser and Heat Exchanger Tubes With Integral Fins

Pages: 11
Replace: ASTM B359/B359M-25

ASTM B482-25

Standard Practice for Preparation of Tungsten and Tungsten Alloys for Electroplating

Pages: 3
Replace: ASTM B482-85(2019)

ASTM B558-25

Standard Practice for Preparation of Nickel Alloys for Electroplating

Pages: 3
Replace:

ASTM C1427-25

Standard Specification for Extruded Preformed Flexible Cellular Polyolefin Thermal Insulation in Sheet and Tubular Form

Pages: 5
Replace: ASTM C1427-21

ASTM C1485-25

Standard Test Method for Critical Radiant Flux of Exposed Attic Floor Insulation Using an Electric Radiant Heat Energy Source

Pages: 6
Replace: ASTM C1485-19

ASTM C1853-25

Standard Test Method for The Determination of Carbon (Total)

Content in Mixed Oxide ((U, Pu)O₂) Sintered Pellets by Direct Combustion-Infrared Detection Method

Pages: 6
Replace: ASTM C1853-17

ASTM C1854-25

Standard Test Method for Determination of Hydrogen (total from all sources) in Mixed Oxide ((U, Pu)O₂) Sintered Pellets by the Inert Gas Fusion Technique Followed by Thermal Conductivity Measurement

Pages: 6
Replace: ASTM C1854-17

ASTM C1876-25

Standard Test Method for Bulk Electrical Resistivity or Bulk Conductivity of Concrete

Pages: 8
Replace: ASTM C1876-24

ASTM C192/C192M-25a

Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Laboratory

Pages: 8
Replace: ASTM C192/C192M-25

ASTM C1928/C1928M-25a

Standard Test Method for Compressive Strength of Alkali Activated Cementitious Material Mortars (Using 50 mm [2 in.] Cube Specimens)

Pages: 6
Replace: ASTM C1928/C1928M-25e1

ASTM D1308-20(2025)

Standard Test Method for Effect of Household Chemicals on Clear and Pigmented Coating Systems

Pages: 2
Replace: ASTM D1308-20

ASTM D2209-25

Standard Test Method for Tensile Strength and Elongation of Leather Pages: 3 Replace: ASTM D2209-00(2025) ASTM D2371-19(2025) Standard Test Method for Pigment Content of Solvent-Reducible Paints Pages: 3 Replace: ASTM D2371-19 ASTM D3441-25 Standard Test Method for Mechanical Cone Penetration Testing of Soils Pages: 8 Replace: ASTM D3441-16 ASTM D3806-19a(2025) Standard Test Method of Small-Scale Evaluation of Fire-Retardant Paints (2-Foot Tunnel Method) Pages: 5 Replace: ASTM D3806-19a ASTM D3969-01(2025) Standard Test Method for Zirconium in Paint Driers by EDTA Method Pages: 3 Replace: ASTM D3969-01(2019)e1 ASTM D3989-01(2025) Standard Test Method for Total Rare Earth Metals in Paint Driers by EDTA Method Pages: 3 Replace: ASTM D3989-01(2019)e1 ASTM D4028/D4028M-25 Standard Specification for Solar Screening Woven from Vinyl-Coated Fiber Glass Yarn Pages: 10	Replace: ASTM D4028/D4028M-13(2021) ASTM D4054-25a Standard Practice for Evaluation of New Aviation Turbine Fuels and Fuel Additives Pages: 49 Replace: ASTM D4054-25 ASTM D4209-07(2025) Standard Practice for Determining Volatile and Nonvolatile Content of Cellulosics, Emulsions, Resin Solutions, Shellac, and Varnishes Pages: 3 Replace: ASTM D4209-07(2019) ASTM D5327-97(2025) Standard Practice for Evaluating and Comparing Transfer Efficiency of Spray Applied Coatings Under General Laboratory Conditions Pages: 4 Replace: ASTM D5327-97(2021)e1 ASTM D5646-13(2025) Standard Terminology Relating to Seams and Stitches Used in Home Sewing Pages: 8 Replace: ASTM D5646-13(2018) ASTM D5852/D5852M-25 Standard Test Method for Erodibility Determination of Cohesive Soils in the Field and in the Laboratory Using the Submerged Jet Erosion Test Pages: 32 ASTM D6644-01(2025)	Standard Test Method for Tension Strength of Sew-Through Flange Buttons Pages: 2 Replace: ASTM D6644-01(2021) ASTM D6890-25 Standard Test Method for Determination of Ignition Delay and Derived Cetane Number (DCN) of Diesel Fuel Oils by Combustion in a Constant Volume Chamber Pages: 20 Replace: ASTM D6890-22 ASTM D7175-25 Standard Test Method for Determining the Rheological Properties of Asphalt Binder Using a Dynamic Shear Rheometer Pages: 13 Replace: ASTM D7175-23 ASTM D7618-25a Standard Specification for Ethyl Tertiary-Butyl Ether (ETBE) for Blending with Aviation Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 4 Replace: ASTM D7618-25 ASTM D7622-20(2025) Standard Test Method for Total Mercury in Crude Oil Using Combustion and Direct Cold Vapor Atomic Absorption Method with Zeeman Background Correction Pages: 5 Replace: ASTM D7622-20 ASTM D8149-20(2025) Standard Practice for Optimization, Calibration, and Validation of Ion
---	---	---

Chromatographic Determination of Heteroatoms and Anions in Petroleum Products and Lubricants Pages: 11 Replace: ASTM D8149-20 ASTM D8288-25 Standard Test Method for Comparison of Metalworking Fluids Using a Tapping Torque Test Machine Pages: 6 Replace: ASTM D8288-19 ASTM D8300-25 Standard Test Method for Silica, Precipitated, Hydrated—Electrical Conductivity Pages: 3 Replace: ASTM D8300-19(2023) ASTM D8558-25 Standard Guide for Supply Chain Traceability, Authentication, Verification, Validation, and Oversight Using Emerging Technologies Including Blockchain Pages: 30 Replace: ASTM D8558-24 ASTM D8641-25 Standard Test Method for Silica, Pelleted, Granulated – Pour Density Pages: 2 ASTM D8642-25 Standard Test Method for Silica, Pelleted, Granulated – Fines Pages: 2 ASTM D8643-25 Standard Test Method for Silica, Pelleted, Granulated – Attrition Pages: 2 ASTM E2179-25 Standard Test Method for Laboratory Measurement of the	Effectiveness of Floor Coverings in Reducing Impact Sound Transmission Through Concrete Floors Pages: 5 Replace: ASTM E2179-21 ASTM E3095-25 Standard Guide for Surrogate Materials for Field Evaluation of Nucleic Acid-Based On-Site Biological Assessment Technologies Pages: 6 Replace: ASTM E3095-17(2024) ASTM E3404-25 Standard Guide for Forensic Examination of Fibers Pages: 10 ASTM E3408/E3408M-25a Standard Test Methods for Evaluating Ground Response Robot Capabilities: Dexterity: Inspect Pages: 31 Replace: ASTM E3408/E3408M-23 ASTM E3428-25a Standard Guide for Selecting and Using (Rapid) Sensory Characterization Methods Pages: 16 Replace: ASTM E3428-25 ASTM E3515-25 Standard Test Method for Analysis of Low Alloy Steel by Inductively Coupled Plasma Atomic Emission Spectrometry (Performance Based) Pages: 10 ASTM E900-21e1 Standard Guide for Predicting Radiation-Induced Transition Temperature Shift in Reactor Vessel Materials	Pages: 5 Replace: ASTM E900-21 ASTM F1693-21(2025) Standard Guide for Consideration of Bioremediation as an Oil Spill Response Method on Land Pages: 5 Replace: ASTM F1693-21 ASTM B242-99(2025) Standard Guide for Preparation of High-Carbon Steel for Electroplating Pages: 5 Replace: ASTM B242-99(2020) ASTM B319-91(2025) Standard Guide for Preparation of Lead and Lead Alloys for Electroplating Pages: 4 Replace: ASTM B319-91(2020) ASTM B322-99(2025) Standard Guide for Cleaning Metals Prior to Electroplating Pages: 9 Replace: ASTM B322-99(2020)e1 ASTM D3690-25 Standard Performance Specification for Vinyl-Coated and Urethane-Coated Upholstery Fabrics—Indoor Pages: 4 Replace: ASTM D3690-95a ASTM D8625-25e1 Standard Test Method for Chemical Assessment of Air Cleaning Technologies Pages: 21 Replace: ASTM D8625-25 ASTM E3510-25 Standard Terminology Relating to Trace Materials Analysis Pages: 8 ASTM F1111-25e1
---	---	---

Standard Test Method for Corrosion of Low-Embrittling Cadmium Plate by Aircraft Maintenance Chemicals Pages: 3 Replace: ASTM F1111-25 ASTM F668-25	Standard Test Method for Moisture in the Analysis Sample of Coal and Coke Pages: 4 Replace: ASTM D3173/D3173M-17a ASTM D3182-21a(2025)	Standard Specification for Normal Butane Thermophysical Property Tables Pages: 11 Replace: ASTM D4650-19 ASTM D509-25
Standard Specification for Polyvinyl Chloride (PVC), Polyolefin and Other Polymer-Coated Steel Chain Link Fence Fabric Pages: 6 Replace: ASTM F668-17(2022) ASTM B1015-25	Standard Practice for Rubber—Materials, Equipment, and Procedures for Mixing Standard Compounds and Preparing Standard Vulcanized Sheets Pages: 8 Replace: ASTM D3182-21a ASTM D4208-25	Standard Test Methods of Sampling and Grading Rosin Pages: 4 Replace: ASTM D509-20 ASTM D5728-25
Standard Practice for Form and Style of Standards Relating to Refined Nickel and Cobalt and Their Alloys Pages: 13 Replace: ASTM B1015-20 ASTM C898/C898M-25a	Standard Test Method for Total Chlorine in Coal by the Oxygen Vessel Combustion/Ion Selective Electrode Method Pages: 4 Replace: ASTM D4208-19 ASTM D4295-89(2025)	Standard Practices for Securement of Cargo in Intermodal and Unimodal Surface Transport Pages: 6 Replace: ASTM D5728-12(2020) ASTM D6335-25
Standard Guide for Use of High Solids Content, Cold Liquid-Applied Elastomeric Waterproofing Membrane with Separate Wearing Course Pages: 14 Replace: ASTM C898/C898M-25 ASTM D269-25	Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Zinc Oxide Pages: 2 Replace: ASTM D4295-89(2021) ASTM D464-25	Standard Test Method for Determination of High Temperature Deposits by Thermo-Oxidation Engine Oil Simulation Test Pages: 8 Replace: ASTM D6335-19 ASTM D6693/D6693M-25
Standard Test Method for Insoluble Matter in Rosin and Rosin Derivatives Pages: 2 Replace: ASTM D269-97(2020) ASTM D3039/D3039M-17(2025)	Standard Test Methods for Saponification Number of Pine Chemical Products Including Tall Oil and Other Related Products Pages: 3 Replace: ASTM D464-15(2024) ASTM D465-25	Standard Test Method for Determining Tensile Properties of Nonreinforced Polyethylene and Nonreinforced Flexible Polypropylene Geomembranes Pages: 7 Replace: ASTM D6693/D6693M-20(2024) ASTM D7097-25
Standard Test Method for Tensile Properties of Polymer Matrix Composite Materials Pages: 13 Replace: ASTM D3039/D3039M-17 ASTM D3173/D3173M-25	Standard Test Methods for Acid Number of Pine Chemical Products Including Tall Oil and Other Related Products Pages: 4 Replace: ASTM D465-15(2024) ASTM D4650-25	Standard Test Method for Determination of Moderately High Temperature Piston Deposits by Thermo-Oxidation Engine Oil Simulation Test—TEOST MHT Pages: 15 Replace: ASTM D7097-19

ASTM D7098-25

Standard Test Method for Oxidation Stability of Lubricants by Thin-Film Oxygen Uptake (TFOUT) Catalyst B

Pages: 10

Replace: ASTM D7098-21

ASTM D7153-25

Standard Test Method for Freezing Point of Aviation Fuels (Automatic Laser Method)

Pages: 10

Replace: ASTM D7153-22ae1

ASTM D7195-25

Standard Guide for Setting Object Color Specifications

Pages: 5

Replace: ASTM D7195-21

ASTM D7260-25

Standard Practice for Optimization, Calibration, and Validation of Inductively Coupled Plasma-Atomic Emission Spectrometry (ICP-AES) for Elemental Analysis of Petroleum Products and Lubricants

Pages: 10

Replace: ASTM D7260-20

ASTM D8330-20(2025)

Standard Specification for Artists' Pastels

Pages: 5

Replace: ASTM D8330-20

ASTM D8651-25

Standard Specification for Undenatured Fuel Ethanol

Pages: 5

ASTM D870-25

Standard Practice for Testing Water Resistance of Coatings Using Water Immersion

Pages: 3

Replace: ASTM D870-15(2020)e1

ASTM D942-25 a

Standard Test Method for Oxidation Stability of Lubricating Greases by the Oxygen Pressure Vessel Method

Pages: 7

Replace: ASTM D942-25

ASTM E1710-18(2025)

Standard Test Method for Measurement of Retroreflective Pavement Marking Materials with CEN-Prescribed Geometry Using a Portable

Retroreflectometer

Pages: 7

Replace: ASTM E1710-18

ASTM E1835-25

Standard Test Method for Analysis of Nickel Alloys by Flame Atomic Absorption Spectrometry

Pages: 9

Replace: ASTM E1835-14(2022)

ASTM E238-17a(2025)

Standard Test Method for Pin-Type Bearing Test of Metallic Materials

Pages: 7

Replace: ASTM E238-17a

ASTM E313-20(2025)

Standard Practice for Calculating Yellowness and Whiteness Indices from Instrumentally Measured Color Coordinates

Pages: 7

Replace: ASTM E313-20

ASTM E3165-18(2025)

Standard Test Method for Nighttime Retroreflected Chromaticity of Retroreflective Sheeting

Pages: 6

Replace: ASTM E3165-18

ASTM E3457-25

Standard Guide for Detection and Preservation of Forensic Trace Evidence

Pages: 5

ASTM E6-25

Standard Terminology Relating to Methods of Mechanical Testing

Pages: 15

Replace: ASTM E6-23ae1

ASTM E810-20(2025)

Standard Test Method for Coefficient of Retroreflection of Retroreflective Sheeting Utilizing the Coplanar Geometry

Pages: 16

Replace: ASTM E810-20

ASTM E811-09(2025)

Standard Practice for Measuring Colorimetric Characteristics of Retroreflectors Under Nighttime Conditions

Pages: 8

Replace: ASTM E811-09(2020)e1

ASTM E991-21(2025)

Standard Practice for Color Measurement of Fluorescent Specimens Using the One-Monochromator Method

Pages: 8

Replace: ASTM E991-21

ASTM F144-25

Standard Practice for Making Reference Glass-Metal Sandwich Seal and Testing for Expansion Characteristics by Polarimetric Methods

Pages: 6

Replace: ASTM F144-80(2019)

ASTM F1506-25

Standard Performance Specification for Flame Resistant and Electric Arc Rated Protective Clothing Worn by

<p>Workers Exposed to Flames and Electric Arcs Pages: 12 Replace: ASTM F1506-22 ASTM F3793-25 Standard Specification for Flight Characteristics and Performance Pages: 44 ASTM F3794-25 Standard Practice for Multivariate Fit and Accommodation for Exoskeleton Manufacturers and Designers Pages: 6 ASTM A1003/A1003M-25 Standard Specification for Steel Sheet, Carbon, Metallic- and Nonmetallic-Coated for Cold-Formed Framing Members Pages: 8 Replace: ASTM A1003/A1003M-23e1 ASTM A1046/A1046M-25a Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-Aluminum-Magnesium Alloy-Coated by the Hot-Dip Process Pages: 10 Replace: ASTM A1046/A1046M-25 ASTM A1057/A1057M-25 Standard Specification for Steel, Structural Tubing, Cold Formed, Welded, Carbon, Zinc-Coated (Galvanized) by the Hot-Dip Process Pages: 3 Replace: ASTM A1057/A1057M-08(2019) ASTM A1079-25 Standard Specification for Steel Sheet, Complex Phase (CP), Dual</p>	<p>Phase (DP) and Transformation Induced Plasticity (TRIP), Zinc-Coated (Galvanized) or Zinc-Iron Alloy-Coated (Galvannealed) by the Hot-Dip Process Pages: 6 Replace: ASTM A1079-17(2023) ASTM A109/A109M-25 Standard Specification for Steel, Strip, Carbon (0.25 Maximum Percent), Cold-Rolled Pages: 11 Replace: ASTM A109/A109M-24 ASTM A414/A414M-25a Standard Specification for Steel, Sheet, Carbon, and High-Strength, Low-Alloy for Pressure Vessels Pages: 4 Replace: ASTM A414/A414M-25 ASTM A463/A463M-25b Standard Specification for Steel Sheet, Aluminum-Coated, by the Hot-Dip Process Pages: 7 Replace: ASTM A463/A463M-25a ASTM A568/A568M-25a Standard Specification for Steel, Sheet, Carbon, Structural, and High-Strength Low-Alloy, Hot-Rolled and Cold-Rolled, General Requirements for Pages: 30 Replace: ASTM A568/A568M-25 ASTM A573/A573M-25 Standard Specification for Structural Carbon Steel Plates Pages: 3 Replace: ASTM A573/A573M-20</p>	<p>ASTM A606/A606M-25 Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, High-Strength, Low-Alloy, Hot-Rolled and Cold-Rolled, with Improved Atmospheric Corrosion Resistance Pages: 5 Replace: ASTM A606/A606M-23 ASTM A635/A635M-25a Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, Heavy-Thickness Coils, Hot-Rolled, Alloy, Carbon, Structural, High-Strength Low-Alloy, and High-Strength Low-Alloy with Improved Formability, General Requirements for Pages: 15 Replace: ASTM A635/A635M-25 ASTM A659/A659M-25 Standard Specification for Commercial Steel (CS), Sheet and Strip, Carbon (0.16 Maximum to 0.25 Maximum Percent), Hot-Rolled Pages: 3 Replace: ASTM A659/A659M-22 ASTM A684/A684M-25a Standard Specification for Steel, Strip, High-Carbon, Cold-Rolled Pages: 9 Replace: ASTM A684/A684M-25 ASTM A792/A792M-25a Standard Specification for Steel Sheet, 55 % Aluminum-Zinc Alloy-Coated by the Hot-Dip Process Pages: 9 Replace: ASTM A792/A792M-25</p>
---	---	--

ASTM A857/A857M-19(2025) Standard Specification for Steel Sheet Piling, Cold Formed, Light Gage Pages: 2 Replace: ASTM A857/A857M-19	Bituminous Sheet Materials Used as Steep Roofing Underlayment for Ice Dam Protection Pages: 6 Replace: ASTM D1970/D1970M-21	Replace: ASTM D4676-94(2021)
ASTM A875/A875M-25a Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-5 % Aluminum Alloy-Coated by the Hot-Dip Process Pages: 12 Replace: ASTM A875/A875M-25	ASTM D4315-21(2025) Standard Test Methods for Rubber Compounding Material—Zinc Oxide Pages: 3 Replace: ASTM D4315-21	ASTM D5171-15(2025) Standard Test Method for Impact Resistance of Plastic Sew-Through Buttons Pages: 3 Replace: ASTM D5171-15(2020)
ASTM C1172-24e1 Standard Specification for Laminated Architectural Flat Glass Pages: 7 Replace: ASTM C1172-24	ASTM D4528-88(2025) Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Sulfur Pages: 3 Replace: ASTM D4528-88(2021)	ASTM D6283-21(2025) Standard Test Method for Tuft Element Length of Uncoated Pile Yarn Floor Coverings Pages: 4 Replace: ASTM D6283-21
ASTM C1546-25 Standard Guide for Installation of Gypsum Products in Concealed Radiant Ceiling Heating Systems Pages: 3 Replace: ASTM C1546-19	ASTM D4569-06(2025) Standard Test Method for Rubber Compounding Materials—Determination of Acidity in Sulfur Pages: 3 Replace: ASTM D4569-06(2021)	ASTM D7063/D7063M-25 Standard Test Method for Effective Porosity and Effective Air Voids of Compacted Asphalt Mixture Samples Pages: 5 Replace: ASTM D7063/D7063M-18
ASTM C59/C59M-25 Standard Specification for Gypsum Casting Plaster and Gypsum Molding Plaster Pages: 2 Replace: ASTM C59/C59M-00(2020)	ASTM D4570-02(2025) Standard Test Method for Rubber Chemicals—Determination of Particle Size of Sulfur by Sieving (Dry) Pages: 2 Replace: ASTM D4570-02(2021)	ASTM D7566-25a Standard Specification for Aviation Turbine Fuel Containing Synthesized Hydrocarbons Pages: 40 Replace: ASTM D7566-25
ASTM C897-25 Standard Specification for Aggregate for Job-Mixed Portland Cement-Based Plasters Pages: 3 Replace: ASTM C897-15(2020)	ASTM D4572-21(2025) Standard Test Method for Rubber Chemicals—Wet Sieve Analysis of Sulfur Pages: 3 Replace: ASTM D4572-21	ASTM D8109-25 Standard Guide for Waterproofing Repair of Concrete by Chemical Grout Crack Injectio Pages: 7 Replace: ASTM D8109-17(2024)
ASTM D1970/D1970M-25 Standard Specification for Self-Adhering Polymer Modified	ASTM D4676-94(2025) Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Antidegradants Pages: 4	ASTM D942-25a Standard Test Method for Oxidation Stability of Lubricating Greases by the Oxygen Pressure Vessel Method Pages: 8

<p>Replace: ASTM D942-25 ASTM E2231-25 Standard Practice for Specimen Preparation and Mounting of Pipe and Duct Insulation Materials to Assess Surface Burning Characteristics Pages: 8 Replace: ASTM E2231-21 ASTM E3132/E3132M-17(2025) Standard Practice for Evaluating Response Robot Logistics: System Configuration Pages: 13 Replace: ASTM E3132/E3132M-17 ASTM E84-25 Standard Test Method for Surface Burning Characteristics of Building Materials Pages: 28 Replace: ASTM E84-24 ASTM F2169-15(2025) Standard Specification for Resilient Stair Treads Pages: 4 Replace: ASTM F2169-15(2020) ASTM F2213-25 Standard Test Method for Measurement of Magnetically Induced Torque on Medical Devices in the Magnetic Resonance Environment Pages: 12 Replace: ASTM F2213-17 ASTM F3008-13(2025) Standard Specification for Cork Floor Tile Pages: 4 Replace: ASTM F3008-13(2020) ASTM F3183-21(2025) Standard Practice for Guided Side Bend Evaluation of</p>	<p>Polyethylene Pipe Butt Fusion Joint Pages: 11 Replace: ASTM F3183-21 ASTM F3198-25 Standard Specification for Light Sport Aircraft Manufacturer's Continued Operational Safety (COS) Program Pages: 5 Replace: ASTM F3198-18 ASTM F3518-21(2025)e1 Standard Guide for Quantitative Measures for Establishing Exoskeleton Functional Ergonomic Parameters and Test Metrics Pages: 9 Replace: ASTM F3518-21 ASTM F799-25 Standard Specification for Cobalt-28 Chromium-6 Molybdenum Alloy Forgings for Surgical Implants (UNS R31537, R31538, R31539) Pages: 4 Replace: ASTM F799-19 ASTM A1008/A1008M-25 Standard Specification for Steel, Sheet, Cold-Rolled, Carbon, Structural, High-Strength Low-Alloy, High-Strength Low-Alloy with Improved Formability, Required Hardness, Solution Hardened, and Bake Hardenable Pages: 11 Replace: ASTM A1008/A1008M-24 ASTM A1011/A1011M-25 Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, Hot-Rolled, Carbon, Structural, High-Strength Low-Alloy, High-Strength Low-Alloy with</p>	<p>Improved Formability, and Ultra-High-Strength Pages: 8 Replace: ASTM A1011/A1011M-23 ASTM A1018/A1018M-25 Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, Heavy-Thickness Coils, Hot-Rolled, Carbon, Commercial, Drawing, Structural, High-Strength Low-Alloy, High-Strength Low-Alloy with Improved Formability, and Ultra-High-Strength Pages: 8 Replace: ASTM A1018/A1018M-23a ASTM A1039/A1039M-25 Standard Specification for Steel, Sheet, Hot Rolled, Carbon, Commercial, Structural, and High-Strength Low-Alloy, and Ultra-High-Strength, Produced by Twin-Roll Casting Process Pages: 9 Replace: ASTM A1039/A1039M-20(2025) ASTM A1083/A1083M-25 Standard Specification for Steel, Sheet, Cold-Rolled, Carbon, Structural, High-Strength Low-Alloy, Produced by Twin-Roll Casting Process Pages: 7 Replace: ASTM A1083/A1083M-23 ASTM A794/A794M-25 Standard Specification for Commercial Steel (CS), Sheet, Carbon (0.16 % Maximum to 0.25 % Maximum), Cold-Rolled Pages: 3 Replace: ASTM A794/A794M-24</p>
--	--	---

<p>ASTM A980/A980M-25 Standard Specification for Steel, Sheet, Carbon, Ultra High Strength Cold Rolled Pages: 3 Replace: ASTM A980/A980M-19</p> <p>ASTM C1318-25 Standard Test Method for Determination of Total Neutralizing Capability and Dissolved Calcium and Magnesium Oxide in Lime for Flue Gas Desulfurization (FGD) Pages: 3 Replace: ASTM C1318-15a(2020)</p> <p>ASTM C1764-25 Standard Test Methods for Non Metallic Plaster Bases (Lath) Used With Portland Cement Based Plaster Pages: 4 Replace: ASTM C1764-20</p> <p>ASTM C187-25 Standard Test Method for Amount of Water Required for Normal Consistency of Hydraulic Cement Paste Pages: 3 Replace: ASTM C187-23</p> <p>ASTM D1370/D1370M-12(2025) Standard Test Method for Contact Compatibility Between Asphaltic Materials (Oliensis Test) Pages: 2 Replace: ASTM D1370/D1370M-12(2021)</p> <p>ASTM D2290-25 Standard Test Method for Apparent Hoop Tensile Strength</p>	<p>of Plastic or Reinforced Plastic Pipe Pages: 11 Replace: ASTM D2290-19a</p> <p>ASTM D2670-25 Standard Test Method for Measuring Wear Properties of Fluid Lubricants (Falex Pin and Vee Block Method) Pages: 8 Replace: ASTM D2670-20</p> <p>ASTM D2783-25 Standard Test Method for Measurement of Extreme-Pressure Properties of Lubricating Fluids (Four-Ball Method) Pages: 9 Replace: ASTM D2783-21</p> <p>ASTM D2974-25e1 Standard Test Methods for Determining the Water (Moisture) Content, Ash Content, and Organic Material of Peat and Other Organic Soils Pages: 4 Replace: ASTM D2974-25</p> <p>ASTM D3018/D3018M-25 Standard Specification for Class A Asphalt Shingles Surfaced with Mineral Granules Pages: 2 Replace: ASTM D3018/D3018M-22</p> <p>ASTM D3376-25 Standard Test Methods of Sampling and Testing Pulps to be Used in the Manufacture of Electrical Insulation Pages: 10 Replace: ASTM D3376-18(2025)</p> <p>ASTM D3462/D3462M-25 Standard Specification for Asphalt Shingles Made from</p>	<p>Glass Felt and Surfaced with Mineral Granules Pages: 4 Replace: ASTM D3462/D3462M-23</p> <p>ASTM D4172-25 Standard Test Method for Wear Preventive Characteristics of Lubricating Fluid (Four-Ball Method) Pages: 5 Replace: ASTM D4172-21</p> <p>ASTM D4643-25 Standard Test Method for Determination of Water Content of Soil and Rock by Microwave Oven Heating Pages: 7 Replace: ASTM D4643-17</p> <p>ASTM D4792/D4792M-13(2025) Standard Test Method for Potential Expansion of Aggregates from Hydration Reactions Pages: 3 Replace: ASTM D4792/D4792M-13(2019)</p> <p>ASTM D4817-88(2025) Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Stearic Acid Pages: 2 Replace: ASTM D4817-88(2021)</p> <p>ASTM D4818-21(2025) Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Vulcanization Accelerators Pages: 4 Replace: ASTM D4818-21</p> <p>ASTM D4869/D4869M-16a(2025)</p>
--	---	---

Standard Specification for Asphalt-Saturated Organic Felt Underlayment Used in Steep Slope Roofing Pages: 4 Replace: ASTM D4869/D4869M-16a(2021) ASTM D4924-21(2025)	in Benzothiazyl Disulfide (MBTS) Pages: 3 Replace: ASTM D5044-06(2021) ASTM D5183-25	Replace: ASTM D7208-23 ASTM D7281-07(2025)
Standard Classification for Petroleum Waxes for Use in Rubber Compounding Pages: 2 Replace: ASTM D4924-21 ASTM D4934-02(2025)	Standard Test Method for Determination of the Coefficient of Friction of Lubricants Using the Four-Ball Wear Test Machine Pages: 6 Replace: ASTM D5183-21a ASTM D5821-13(2025)	Standard Test Method for Determining Water Migration Resistance Through Roof Membranes Pages: 3 Replace: ASTM D7281-07(2021) ASTM D7865-13(2025)
Standard Test Method for Rubber Compounding Materials: 2-Benzothiazyl Sulfenamide Accelerators—Insolubles Pages: 3 Replace: ASTM D4934-02(2021) ASTM D4937-96(2025)	Standard Test Method for Determining the Percentage of Fractured Particles in Coarse Aggregate Pages: 6 Replace: ASTM D5821-13(2017) ASTM D6155-19(2025)	Standard Guide for Identification, Packaging, Handling, Storage, and Deployment of Fabricated Geomembrane Panels Pages: 3 Replace: ASTM D7865-13(2021) ASTM D8058-25
Standard Test Method for p-Phenylenediamine Antidegradants Purity by Gas Chromatography Pages: 7 Replace: ASTM D4937-96(2021) ASTM D4944-25a	Standard Specification for Nontraditional Coarse Aggregates for Asphalt Paving Mixtures Pages: 3 Replace: ASTM D6155-19 ASTM D6497/D6497M-02(2025)	Standard Test Method for Determining the Flexural Strength of a Geosynthetic Cementitious Composite Mat (GCCM) Using the Three-Point Bending Test Pages: 8 Replace: ASTM D8058-24 ASTM E2306-25
Standard Test Method for Field Determination of Water (Moisture) Content of Soil by the Calcium Carbide Gas Pressure Tester Pages: 6 Replace: ASTM D4944-25 ASTM D5044-06(2025)	Standard Guide for Mechanical Attachment of Geomembrane to Penetrations or Structures Pages: 13 Replace: ASTM D6497/D6497M-02(2021) ASTM D7208-25	Standard Guide for Disposal of Personal Property Assets Pages: 03 Replace: ASTM E2306-18 ASTM E2357-25
Standard Test Method for Rubber Compounding Materials—Free 2-Mercaptobenzothiazole (MBT)	Standard Test Method for Determination of Temporary Ditch Check Performance in Protecting Earthen Channels from Stormwater-Induced Erosion Pages: 7	Standard Test Method for Determining Air Leakage Rate of Air Barrier Assemblies Pages: 11 Replace: ASTM E2357-24 ASTM E2499-25
		Standard Practice for Classification of Asset Location Information Pages: 3 Replace: ASTM E2499-18 ASTM E2551-25

Standard Test Methods for Humidity Calibration (or Conformation) of Humidity Generators for Use with Thermogravimetric Analyzers
Pages: 7

Replace: ASTM E2551-20

ASTM E2608-25

Standard Practice for Equipment Control Matrix (ECM)
Pages: 3

Replace: ASTM E2608-20

ASTM E2631-25

Standard Practice for Physical Placement of an Entity-Controlled Supplemental Identification Label
Pages: 3

Replace: ASTM E2631-20

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

JIS A 5523:2025

Weldable hot rolled steel sheet piles
Pages: 22

Pages: 22

JIS A 6005:2025

Asphalt roofing felts
Pages: 14

Pages: 14

JIS A 6012:2025

Woven fabrics asphalt roofings
Pages: 14

Pages: 14

JIS A 6013:2025

Polymer-modified bitumen roofing sheets
Pages: 22

Pages: 22

JIS A 6023:2025

Perforated asphalt roofing felts
Pages: 14

Pages: 14

JIS B 1509:2025

Rolling bearings-Radial bearings with locating snap ring-Dimensions, geometrical product specifications (GPS) and tolerance values
Pages: 24

Pages: 24

JIS B 2308:2025

Stainless steel threaded fittings
Pages: 36

Pages: 36

JIS B 6190-4:2025

Test code for machine tools-Part 4: Circular tests for numerically controlled machine tools
Pages: 34

Pages: 34

JIS B 8741-

1:2019/AMENDMENT 1:2025

Fine bubble technology-General principles for usage and measurement of fine bubbles-
Part 1: Terminology
(Amendment 1)
Pages: 6

Pages: 6

(Amendment 1)

Pages: 6

JIS G 0321:2025

Product analysis and its tolerance for steel products
Pages: 16

Pages: 16

JIS G 0511:2025

Stress corrosion cracking testing of metals and alloys using reverse U-bend test method
Pages: 36

Pages: 36

JIS G 0603:2025

Flattening test of steel pipes and tubes
Pages: 10

Pages: 10

JIS G 1222-1:2025

Iron and steel-Determination of cobalt-Part 1: Tricobalt tetraoxide gravimetric method after precipitation separation of 1-nitroso-2-naphthol complex
Pages: 14

Pages: 14

JIS G 1222-2:2025

Iron and steel-Determination of cobalt-Part 2:
Spectrophotometric methods
Pages: 22

Pages: 22

Pages: 22

JIS G 1222-3:2025

Iron and steel-Determination of cobalt-Part 3: Potentiometric
titration method after
separation by ion exchange
Pages: 18

Pages: 18

titration method after separation by ion exchange
Pages: 18

JIS G 1237:2025

Iron and steel-Determination of niobium-Sulfochlorophenol S spectrophotometric method
Pages: 18

Pages: 18

JIS G 1258-0:2025

Iron and steel-ICP atomic emission spectrometric method-Part 0: General rules
Pages: 18

Pages: 18

JIS G 3128:2025

High yield strength steel plates for welded structure
Pages: 18

Pages: 18

JIS G 4401:2025

Carbon tool steels
Pages: 20

Pages: 20

JIS G 4403:2025

High speed tool steels
Pages: 16

Pages: 16

JIS G 4404:2025

Alloy tool steels
Pages: 22

Pages: 22

JIS H 8601:2025

Anodic oxide coatings on aluminium and aluminium alloys
Pages: 44

Pages: 44

JIS H 8602:2025

Combined coatings of anodic oxide and organic coatings on aluminium and aluminium alloys
Pages: 30

Pages: 30

JIS K 2252:2025

Petroleum products-Testing method for reaction
Pages: 14

Pages: 14

JIS K 2261:2025

Petroleum products-Motor gasoline and aviation fuels-

Determination of existent gum- Jet evaporation method Pages: 20 JIS K 2258-1:2025	Pages: 20 JIS M 8127:2025	Pages: 58 JIS Z 3001-3:2025
Crude petroleum and petroleum products-Determination of vapour pressure-Part 1: Reid method Pages: 28 JIS K 2513:2025	Ores-Methods for determination of tin Pages: 34 JIS R 1697:2025	Welding and allied processes- Vocabulary-Part 3: Soldering and brazing Pages: 18 JIS Z 7252:2025
Petroleum products- Corrosiveness to copper-Copper strip test Pages: 16 JIS K 6252-2:2015/ AMENDMENT 1:2025	Test method for optical properties of ceramic phosphors for white light- emitting diodes using an integrating sphere Pages: 20 JIS R 3413:2025	Classification of chemicals based on “Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals (GHS) Pages: 194 JIS Z 7253:2025
Rubber, vulcanized or thermoplastic-Determination of tear strength-Part 2: Small (Delft) test pieces (Amendment 1) Pages: 1 JIS K 6272:2003/ AMENDMENT 1:2025	Textile glass yarns Pages: 12 JIS S 2350:2025	Hazard communication of chemicals based on GHS- Labelling and Safety Data Sheet (SDS) Pages: 118 JIS Z 8210:2022/ AMENDMENT 3:2025
Rubber-Tensile, flexural and compression test equipment (constant rate of traverse)- Specification (Amendment 1) Pages: 1 JIS K 7141-1:2025	Glass container with content volume indicated Pages: 46 JIS X 25002:2025	Public information symbols (Amendment 3) Pages: 6
Plastics-Acquisition and presentation of comparable multipoint data-Part 1: Mechanical properties Pages: 16 JIS K 7141-2:2025	Systems and software engineering-Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuARE)- Quality model overview and usage Pages: 28 JIS X 25010:2025	❖ TIÊU CHUẨN DIN
Plastics-Acquisition and presentation of comparable multipoint data-Part 2: Thermal and processing properties Pages: 12 JIS K 7225:2025	Systems and software engineering-Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuARE)- Product quality model Pages: 34 JIS X 25019:2025	DIN EN 1-2 Residential liquid fuel burning appliances - Part 2: Flued oil stoves with vaporizing burners; German version EN 1-2:2025 DIN EN 16839 Railway applications - Rolling stock - Head stock layout; German version EN 16839:2022+A1:2025
Rigid cellular plastics- Determination of water vapour transmission properties	Systems and software engineering-Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuARE)- Quality-in-use model Pages: 42 JIS Z 2271:2025	DIN ISO 23223 Alpine ski boots with improved walking soles - Interface with alpine ski-bindings - Requirements, test methods and marking (ISO 23223:2025) DIN 65161 Aerospace series - Fasteners in material 1.4534 - Nominal
	Metallic materials-Uniaxial creep testing in tension-Method of test	

tensile strength 1 250 MPa to 1 550 MPa for temperatures up to 315 °C - Technical

specification; Text in German and English

DIN EN 16587

Railway applications - Design for PRM Use - Requirements on obstacle free routes for infrastructure; German version EN 16587:2025

DIN ISO 7763

Testing of paper and board - Compressive strength of a sample held in S-shape (ISO 7763:2024)

DIN ISO 6289

Skis - Vocabulary (ISO 6289:2025)

DIN EN 13206

Plastics - Thermoplastic covering films for use in agriculture and horticulture; German version EN 13206:2025

DIN EN 14211

Ambient air - Standard method for the measurement of the concentration of nitrogen dioxide and nitrogen monoxide by chemiluminescence; German version EN 14211:2024

DIN EN 14625

Ambient air - Standard method for the measurement of the concentration of ozone by ultraviolet photometry; German version EN 14625:2024

DIN EN 17990

Thermal insulation and energy economy in buildings - Method to determine the durability of bondings with adhesive tapes and adhesive masses for the establishment of airtight layers under climatic conditions

representative for indoor environments; German version EN 17990:2025

DIN EN ISO 80369-6

Small bore connectors for liquids and gases in healthcare applications - Part 6: Connectors for neural applications (ISO 80369-6:2025); German version EN ISO 80369-6:2025

DIN EN 17975

Maintenance - Risk control processes of energies and fluids risks in maintenance activities - Guidance; German version EN 17975:2025

DIN EN ISO 14732

Welding personnel - Qualification testing of welding operators and weld setters for mechanized and automatic welding of metallic materials (ISO 14732:2025); German version EN ISO 14732:2025

DIN EN 15685

Building hardware - Requirements and test methods - Multipoint locks, latches and locking plates - Characteristics and test methods; German version EN 15685:2024

DIN EN 17353

Protective clothing - Enhanced visibility equipment for medium risk situations - Test methods and requirements; German version EN 17353:2020+A1:2025

DIN EN 14204

Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative suspension test for the evaluation of mycobactericidal

activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area - (phase 2, step 1); German version EN 14204:20

DIN EN 12392

Aluminium and aluminium alloys - Wrought products and cast products - Special requirements for products intended for the production of pressure equipment; German version EN 12392:2025

DIN EN 13207

Plastics - Thermoplastic silage films and tubes for use in agriculture; German version EN 13207:2025

DIN EN 14212

Ambient air - Standard method for the measurement of the concentration of sulphur dioxide by ultraviolet fluorescence; German version EN 14212:2024

DIN EN 13763-6

Explosives for civil uses - Detonators and detonating cord relays - Part 6: Verification of resistance to cracking of leading wires; German version EN 13763-6:2025

DIN EN ISO 15614-2

Specification and qualification of welding procedures for metallic materials - Welding procedure test - Part 2: Arc welding of aluminium and its alloys (ISO 15614-2:2025); German version EN ISO 15614-2:2025

DIN EN ISO 5832-2

Implants for surgery - Metallic materials - Part 2: Unalloyed titanium (ISO 5832-2:2025);

German version EN ISO 5832-2:2025

DIN EN 14222

Stainless steel steam boilers; German version

EN 14222:2021+A1:2025

DIN EN 16585-1

Railway applications - Design for PRM use - Equipment and components onboard rolling stock - Part 1: Toilets; German version EN 16585-1:2025

DIN EN ISO/ASTM 52938-1

Additive manufacturing of metals - Environment, health and safety - Part 1: Safety requirements for PBF-LB machines (ISO/ASTM 52938-1:2025); German version

EN ISO/ASTM 52938-1:2025

DIN EN 1508

Water supply - Requirements for systems and components for the storage of water; German version EN 1508:2025

DIN EN 10378

Welded stainless steel square and rectangular tubes for mechanical and structural engineering and decorative use - Technical delivery conditions; German version EN 10378:2025

DIN EN ISO 13669

Fasteners - Grooved pins - General requirements (ISO 13669:2025); German version EN ISO 13669:2025

DIN EN 16584-2

Railway applications - Design for PRM use - General requirements - Part 2:

Information; German version EN 16584-2:2025

DIN EN 13630-6

Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 6: Verification of resistance to tension of detonating cords; German version EN 13630-6:2025

DIN EN 13630-11

Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 11: Determination of velocity of detonation of detonating cords; German version EN 13630-11:2025

DIN ISO 3864-3

Graphical symbols - Safety colours and safety signs - Part 3: Design principles for graphical symbols for use in safety signs (ISO 3864-3:2024, corrected version 2025-03)

DIN EN ISO 5459

Geometrical product specifications (GPS) - Geometrical tolerancing - Datums and datum systems (ISO 5459:2024); German version EN ISO 5459:2024

DIN EN ISO 19085-9

Woodworking machines - Safety - Part 9: Circular saw benches (with and without sliding table) (ISO 19085-9:2024); German version EN ISO 19085-9:2024

DIN EN ISO 6427

Plastics - Determination of matter extractable by organic solvents (conventional methods) (ISO 6427:2025); German version EN ISO 6427:2025

DIN EN ISO 17971

Textiles - Smart textiles - Test method for determining the screen-touch properties of

fabrics (ISO 17971:2025);

German version

EN ISO 17971:2025

DIN EN ISO 11126-1

Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Specifications for non-metallic blast-cleaning abrasives - Part 1: General introduction and classification (ISO 11126-1:2025); German version EN ISO 11126-1:2025

DIN EN 13630-4

Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 4: Verification of insensitiveness to impact of detonating cords; German version EN 13630-4:2025

DIN EN 16585-2

Railway applications - Design for PRM use - Equipment and components on board rolling stock - Part 2: Elements for sitting, standing and moving; German version EN 16585-2:2025

DIN EN 16584-3

Railway applications - Design for PRM use - General requirements - Part 3: Optical and friction characteristics; German version EN 16584-3:2025

DIN EN 15843

Water quality - Guidance standard on determining the degree of modification of river hydromorphology; German version EN 15843:2025

DIN EN 13630-7

Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 7: Verification of reliability of initiation of

detonating cords; German version EN 13630-7:2025 DIN EN 13630-12 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 12: Determination of burning duration of safety fuses; German version EN 13630-12:2025 DIN EN 14620-5 Design and manufacture of site built, vertical, cylindrical, flat-bottomed tank systems for the storage of refrigerated, liquefied gases with operating temperatures between 0 °C and -196 °C - Part 5: Testing, drying, purging and cool-down; German version EN 14620-5:2025 DIN EN 13763-7 Explosives for civil uses - Detonators and detonating cord relays - Part 7: Verification of pull-out resistance of detonators; German version EN 13763-7:2025 DIN EN ISO 25178-601 Geometrical product specifications (GPS) - Surface texture: Areal - Part 601: Design and characteristics of contact (stylus) instruments (ISO 25178-601:2025); German version EN ISO 25178-601:2025 DIN EN 13630-8 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 8: Verification of resistance to water; German version EN 13630-8:2025 DIN EN ISO 3210 Anodizing of aluminium and its alloys - Assessment of quality of sealed anodic oxidation coatings by measurement of the loss of	mass after immersion in acid solution(s) (ISO 3210:2025); German version EN ISO 3210:2025 DIN EN ISO 19085-12 Woodworking machines - Safety - Part 12: Tenoning-profiling machines (ISO 19085-12:2024); German version EN ISO 19085-12:2024 DIN EN 13630-10 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 10: Determination of the index of initiating capability of detonating cords; German version EN 13630-10:2025 DIN EN ISO 11125-5 Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Test methods for metallic blast-cleaning abrasives - Part 5: Determination of percentage defective particles and of microstructure (ISO 11125-5:2025); German version EN ISO 11125-5:2025 DIN EN ISO 17730 Dentistry - Fluoride varnishes (ISO 17730:2025); German version EN ISO 17730:2025 DIN EN 4012 Aerospace series - Nut, bihexagonal, self-locking, in heat resisting nickel base alloy NI-PH2601 (Inconel 718), MoS ₂ coated - Classification: 1 550 MPa (at ambient temperature)/425 °C; German and English version EN 4012:2025 DIN EN 13630-2	Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 2: Verification of thermal stability; German version EN 13630-2:2025 DIN EN 13630-3 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 3: Verification of insensitiveness to friction of the core of detonating cords; German version EN 13630-3:2025 DIN EN 13857-1 Explosives for civil uses - Part 1: Vocabulary; German version EN 13857-1:2025 DIN EN 16585-3 Railway applications - Design for PRM use - Equipment and components on board rolling stock - Part 3: Clearways and internal doors; German version EN 16585-3:2025 DIN EN ISO 8655-6 Piston-operated volumetric apparatus - Part 6: Gravimetric reference measurement procedure for the determination of volume (ISO 8655-6:2022, Corrected version 2022-06); German version EN ISO 8655-6:2022 DIN EN ISO 19085-4 Woodworking machines - Safety - Part 4: Vertical panel circular sawing machines (ISO 19085-4:2024); German version EN ISO 19085-4:2024 DIN EN ISO 7753 Nuclear criticality safety - Use of criticality accident alarm systems for operations (ISO 7753:2023); German version EN ISO 7753:2025
---	--	--

<p>DIN EN ISO 18397 Dentistry - Powered scaler (ISO 18397:2025); German version EN ISO 18397:2025 DIN EN 13630-5 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 5: Verification of resistance to abrasion of detonating cords; German version EN 13630-5:2025 DIN ISO 24495-2 Plain language - Part 2: Legal communication (ISO 24495-2:2025) DIN EN ISO 19085-8 Woodworking machines - Safety - Part 8: Wide belt sanding machines and surface treating machines (ISO 19085-8:2024); German version EN ISO 19085-8:2024 DIN EN ISO 9073-8 Nonwovens - Test methods - Part 8: Determination of liquid strike-through time (simulated urine) for nonwoven coverstocks (ISO 9073-8:2025); German version EN ISO 9073-8:2025 DIN EN ISO 26101-2 Acoustics - Test methods for the qualification of the acoustic environment - Part 2: Determination of the environmental correction (ISO 26101-2:2024); German version EN ISO 26101-2:2024 DIN EN ISO 23308-6 Energy efficiency of industrial trucks - Test methods - Part 6: Container straddle carrier (ISO 23308-6:2025); German version EN ISO 23308-6:2025 DIN EN 13630-9</p>	<p>Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 9: Verification of transmission of detonation from detonating cord to detonating cord; German version EN 13630-9:2025 DIN ISO 6338-2 Calculations of greenhouse gas (GHG) emissions throughout the liquefied natural gas (LNG) chain - Part 2: Natural gas production and transport to LNG plant (ISO 6338-2:2024) DIN EN ISO 7199 Cardiovascular implants and artificial organs - Blood-gas exchangers (oxygenators) (ISO 7199:2024); German version EN ISO 7199:2024 DIN EN ISO 19085-7 Woodworking machines - Safety - Part 7: Surface planing, thickness planing and combined surface/thickness planing machines (ISO 19085-7:2024); German version EN ISO 19085-7:2024 DIN EN 13763-5 Explosives for civil uses - Detonators and detonating cord relays - Part 5: Verification of resistance to cutting damage of leading wires and shock tubes; German version EN 13763-5:2025 DIN EN ISO 11980 Ophthalmic optics - Contact lenses and contact lens care products - Requirements and guidance for clinical investigations (ISO 11980:2025); German version EN ISO 11980:2025 DIN EN ISO 7730</p>	<p>Ergonomics of the thermal environment - Analytical determination and interpretation of thermal comfort using calculation of the PMV and PPD indices and local thermal comfort criteria (ISO 7730:2025); German version EN ISO 7730:2025 DIN EN 16584-1 Railway applications - Design for PRM use - General requirements - Part 1: Contrast; German version EN 16584-1:2025 DIN EN ISO 22359 Security and resilience - Guidelines for hardened protective shelters (ISO 22359:2024); German version EN ISO 22359:2025 DIN EN 13616-2 Overfill prevention devices for static tanks for liquid fuels - Part 2: Overfill prevention devices without a closure device; German version EN 13616-2:2016+A1:2025 DIN EN 13630-1 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 1: Requirements; German version EN 13630-1:2025 DIN ISO 21504 Project, programme and portfolio management - Guidance on portfolio management (ISO 21504:2022); Text in German and English DIN EN 13630-1 Explosives for civil uses - Detonating cords and safety fuses - Part 1: Requirements; German version EN 13630-</p>
--	--	---

- 1:2025
DIN EN ISO 32543-1
 Non-destructive testing - Characteristics of focal spots in industrial X-ray systems - Part 1: Pinhole camera radiographic method (ISO 32543-1:2024); German version EN ISO 32543-1:2025
- DIN EN ISO 19085-11**
 Woodworking machines - Safety - Part 11: Combined machines (ISO 19085-11:2024); German version EN ISO 19085-11:2024
- DIN EN ISO/ASTM 52919**
 Additive manufacturing - Qualification principles - Test methods for metal casting sand moulds (ISO/ASTM 52919:2025); German version EN ISO/ASTM 52919:2025
- DIN EN ISO 7899-3**
 Water quality - Enumeration of intestinal enterococci - Part 3: Most probable number method (ISO 7899-3:2025); German version EN ISO 7899-3:2025
- DIN ISO 20816-21**
 Mechanical vibration - Measurement and evaluation of machine vibration - Part 21: Horizontal axis wind turbines (ISO 20816-21:2025)
- DIN ISO 6338-1**
 Calculations of greenhouse gas (GHG) emissions throughout the liquefied natural gas (LNG) chain - Part 1: General (ISO 6338-1:2024)
- DIN EN ISO 18984**
 Ball valves for thermoplastics piping systems for hot and cold water installations under pressure - Types, dimensions and requirements (ISO 18984:2025); German version EN ISO 18984:2025
- DIN EN ISO 11431**
 Building and civil engineering sealants - Determination of adhesion and cohesion properties of sealants after exposure to heat, water and artificial light through glass (ISO 11431:2025); German version EN ISO 11431:2025
- DIN EN ISO 9185**
 Protective clothing - Assessment of resistance of materials to molten metal splash (ISO 9185:2025); German version EN ISO 9185:2025
- DIN EN ISO 6143**
 Gas analysis - Comparison methods for determining and checking the composition of calibration gas mixtures (ISO 6143:2025); German version EN ISO 6143:2025
- DIN EN ISO 3170**
 Hydrocarbon Liquids - Manual Sampling (ISO 3170:2025); German version EN ISO 3170:2025
- DIN EN ISO 7405**
 Dentistry - Evaluation of biocompatibility of medical devices used in dentistry (ISO 7405:2025); German version EN ISO 7405:2025
- DIN EN ISO 9556**
 Steel and iron - Determination of total carbon content - Infrared absorption method after combustion in an induction furnace (ISO 9556:2025); German version EN ISO 9556:2025
- DIN EN 12464-2**
 Light and lighting - Lighting of work places - Part 2: Outdoor work places; German version EN 12464-2:2024
- DIN ISO 18436-3**
 Condition monitoring and diagnostics of machines - Requirements for training and certification of personnel - Part 3: Requirements for training bodies and the training process (ISO 18436-3:2025); Text in German and English
- DIN ISO 21503**
 Project, programme and portfolio management - Guidance on programme management (ISO 21503:2022); Text in German and English
- DIN EN ISO 4064-5**
 Water meters for cold potable water and hot water - Part 5: Installation requirements (ISO 4064-5:2025); German version EN ISO 4064-5:2025
- DIN EN 15330-4**
 Surfaces for sports areas - Synthetic turf and needle-punched surfaces primarily designed for outdoor use - Part 4: Specification for shockpads used with synthetic turf, needle-punch and textile sports surfaces; German version EN 15330-4:2022
- DIN EN ISO 21043-5**
 Forensic sciences - Part 5: Reporting (ISO 21043-5:2025); German and English version EN ISO 21043-5:2025
- DIN EN 18052**
 Intelligent transport systems - ESafety - ECall end to end conformance testing for eCall

HLAP in hybrid circuit switched/packet switched network environments; English version EN 18052:2025

DIN EN ISO 21043-4

Forensic sciences - Part 4: Interpretation (ISO 21043-4:2025); English version EN ISO 21043-4:2025

DIN EN ISO 21043-3

Forensic sciences - Part 3: Analysis (ISO 21043-3:2025); English version EN ISO 21043-3:2025

DIN EN ISO 15118-21

Road vehicles - Vehicle to grid communication interface - Part 21: Common 2nd generation network layer and application layer requirements conformance test plan (ISO 15118-21:2025); English version EN ISO 15118-21:2025

DIN EN ISO 13680

Oil and gas industries including lower carbon energy - Corrosion-resistant alloy seamless products for use as casing, tubing, coupling stock and accessory material - Technical delivery conditions (ISO 13680:2024); English version EN ISO 13680:2025

DIN EN ISO/IEEE 11073-10701

Health informatics - Device interoperability - Part 10701: Point-of-care medical device communication - Metric provisioning by participants in a Service-oriented Device Connectivity (SDC) system (ISO/IEEE 11073-10701:2024); English version EN ISO/IEEE 11073-10701:2025

DIN EN ISO/IEEE 11073-10700

Health informatics - Device interoperability - Part 10700: Point-of-care medical device communication - Standard for base requirements for participants in a Service-oriented Device Connectivity (SDC) system (ISO/IEEE 11073-10700:2024); English version EN ISO/IEEE 11073-10700:2025

DIN EN ISO/IEEE 11073-10472

Health informatics - Device interoperability - Part 10472: Personal health device communication - Device specialization - Medication monitor (ISO/IEEE 11073-10472:2024); English version EN ISO/IEEE 11073-10472:2025

DIN EN ISO/IEEE 11073-10425

Health informatics - Device interoperability - Part 10425: Personal Health Device Communication - Device Specialization - Continuous Glucose Monitor (CGM) (ISO/IEEE 11073-10425:2024); English version EN ISO/IEEE 11073-10425:2025

DIN EN ISO/IEEE 11073-10103

Health informatics - Device interoperability - Part 10103: Nomenclature, implantable device, cardiac (ISO/IEEE 11073-10103:2025); English version EN ISO/IEEE 11073-10103:2025

DIN SPEC 91530

Distributed AI/process interface for self-optimizing process machines; Text in English

DIN CEN ISO/TS 24315-3

Intelligent transport systems - Management of electronic traffic regulations (METR) - Part 3: System of systems requirements and architecture (SoSR) (ISO/TS 24315-3:2025); English version CEN ISO/TS 24315-3:2025

VDI 4201 Blatt 3

Performance criteria on systems for monitoring emissions - Digital interface - Specific requirements for Modbus

VDI 4201 Blatt 1

Performance criteria on systems for monitoring emissions - Digital interface - General requirements

VDI 4201 Blatt 4

Performance criteria on systems for monitoring emissions - Digital interface - Specific requirements for OPC

❖ Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)

UL 10C Edition 3, 2025

Standard for Positive Pressure Fire Tests of Door Assemblies

UL 25A Edition 2, 2025

Meters for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations Up to 85 Percent (E0 - E85)

UL 30 Edition 10, 2025

Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids

UL 62 Edition 20, 2025 Flexible Cords and Cables	Rubber Gasketed Fittings for Fire-Protection Service	UL 746B Edition 5, 2025 Standard for Polymeric Materials - Long Term Property Evaluations
UL 72 Edition 16, 2025 Standard for Tests for Fire Resistance of Record Protection Equipment	UL 244B Edition 1, 2025 Standard for Field Installed and/or Field Connected Appliance Controls	UL 746C Edition 7, 2025 Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations
UL 79A Edition 2, 2025 ANSI/CAN/UL/ULC Power-Operated Pumps for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85)	UL 248-9 Edition 3, 2025 Low-Voltage Fuses - Part 9: Class K Fuses	UL 758 Edition 3, 2025 Standard for Appliance Wiring Material
UL 87A Edition 2, 2025 Power-Operated Dispensing Devices for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85)	UL 291 Edition 6, 2025 Standard for Automated Teller Systems	UL 842A Edition 2, 2025 Valves for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85)
UL 103 Edition 11, 2025 Standard for Factory-Built Chimneys for Residential Type and Building Heating Appliances	UL 296 Edition 11, 2025 Standard for Oil Burners	UL 879A Edition 2, 2025 LED Sign and Sign Retrofit Kits
UL 109 Edition 7, 2025 Standard for Tube Fittings for Flammable and Combustible Fluids, and Marine Use	UL 330A Edition 2, 2025 Hose and Hose Assemblies for Use With Dispensing Devices Dispensing Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends With Nominal Ethanol Concentrations Up To 85 Percent (E0 - E85)	UL 917 Edition 5, 2025 Standard for Clock-Operated Switches
UL 110 Edition 3, 2025 Sustainability for Mobile Phones	UL 331A Edition 2, 2025 Strainers for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations Up to 85 Percent (E0 - E85)	UL 971 Edition 3, 2025 Nonmetallic Underground Piping For Flammable Liquids
UL 132 Edition 9, 2025 ANSI/CAN/UL Safety Relief Valves for Anhydrous Ammonia and LP-Gas	UL 508A Edition 3, 2025 Standard for Industrial Control Panels	UL 977 Edition 5, 2025 Standard for Fused Power-Circuit Devices
UL 142 Edition 11, 2025 Steel Aboveground Tanks for Flammable and Combustible Liquids	UL 567A Edition 2, 2025 Emergency Breakaway Fittings, Swivel Connectors and Pipe-Connection Fittings for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85)	UL 1008M Edition 1, 2025 Transfer Switch Equipment, Meter-Mounted
UL 142A Edition 2, 2025 Special Purpose Aboveground Tanks for Specific Flammable or Combustible Liquids	UL 626 Edition 9, 2025 Water Fire Extinguishers	UL 1042 Edition 5, 2025 Standard for Electric Baseboard Heating Equipment
UL 213 Edition 5, 2025	UL 746A Edition 6, 2025 Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations	UL 1062 Edition 4, 2025 Unit Substations
		UL 1309A Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Cable for Use in Mobile Installations
		UL 1469 Edition 3, 2025 Strength of Body and Hydraulic Pressure Loss Testing of Backflow Special Check Valves
		UL 1563 Edition 7, 2025

Electric Spas, Equipment Assemblies, and Associated Equipment UL 1598A Edition 1, 2025 Standard for Supplemental Requirements for Luminaires for Installation on Marine Vessels UL 1692 Edition 3, 2025 Polymeric Materials - Coil Forms UL 1699A Edition 3, 2025 Outline of Investigation for Outlet Branch Circuit Arc-Fault Circuit-Interrupters UL 1769 Edition 5, 2025 Standard for Cylinder Valves UL 1838 Edition 3, 2025 Standard for Low Voltage Landscape Lighting Systems UL 2021 Edition 4, 2025 Standard for Fixed and Location-Dedicated Electric Room Heaters UL 2075 Edition 2, 2025 Standard for Gas and Vapor Detectors and Sensors UL 2231-1 Edition 2, 2025 Standard for Personnel Protection Systems for Electric Vehicle (EV) Supply Circuits; Part 1: General Requirements UL 2238 Edition 3, 2025 Standard for Cable Assemblies and Fittings for Industrial Control and Signal Distribution UL 2353 Edition 3, 2025 Standard for Safety for Single- and Multi-Layer Insulated Winding Wire UL 2556 Edition 5, 2025 Wire and Cable Test Methods UL 2561 Edition 2, 2025	Standard for 1400 Degree Fahrenheit Factory-Built Chimneys UL 2586A Edition 2, 2025 Hose Nozzle Valves for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85) UL 2595 Edition 3, 2025 General Requirements for Battery-Powered Appliances UL 2610 Edition 2, 2025 Standard for Commercial Premises Security Alarm Units and Systems UL 2700 Edition 1, 2025 Standard for Sustainability for Cleaning and Cleaning Related Products UL 2700-1 Edition 1, 2025 Sustainability for Cleaning and Cleaning Related Products: Microbial-based Cleaning Products UL 2800-1 Edition 2, 2025 Medical Device Interoperability UL 2941 Edition 1, 2025 Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources UL 2996 Edition 1, 2025 In-Ground Outlet Boxes UL 3100 Edition 1, 2025 Automated Mobile Platforms (AMPs) UL 3601 Edition 1, 2025 Standard for Measuring and Reporting Circularity of Li-ion and Other Secondary Batteries UL 3700 Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Interactive Plug-In PV (PIPV) Equipment and Systems UL 4703 Edition 1, 2025	Standard for Photovoltaic Wire UL 6142 Edition 2, 2025 Small Wind Turbine Systems UL 12402- 5 Edition 1, 2025 Personal Flotation Devices - Part 5: Buoyancy Aids (Level 50) - Safety Requirements UL 60079- 2 Edition 6, 2025 Explosive Atmospheres - Part 2: Equipment Protection by Pressurized Enclosure "p" UL 60079- 25 Edition 3, 2025 Explosive Atmospheres - Part 25: Intrinsically Safe Electrical Systems UL 60079- 33 Edition 1, 2025 Explosive Atmospheres - Part 33: Equipment Protection by Special Protection "s" UL 60335- 1 Edition 7, 2025 Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 1: General Requirements UL 60335- 2-30 Edition 1, 2025 Household and similar electrical appliances-Safety-Part 2-30:Particular requirements for room heaters UL 61010- 2-201 Edition 2, 2025 Standard for Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-201: Particular Requirements for Control Equipment UL 62784 Edition 1, 2025 Vacuum Cleaners and Dust Extractors Providing Equipment Protection Level Dc for the Collection of Combustible Dusts - Particular Requirements UL 62841- 2-3 Edition 1, 2025
---	--	--

Standard for Electric Motor-Operated Hand-held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-3: Particular Requirements For Hand-Held Grinders, Disc-Type Polishers And Disc-Type Sanders
UL 62841- 2-10 Edition 1, 2025

Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-10: Particular Requirements For Hand-Held Mixers
ULC 30 Edition 10, 2025

Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids
ULC 112 Edition 4, 2025

Standard Method of Fire Test of Fire Damper Assemblies
ULC 112.1 Edition 2, 2025

Standard for Leakage Rated Dampers for Use in Smoke Control Systems
ULC 112.1 Edition 3, 2025

Standard for Leakage Rated Dampers for Use in Smoke Control Systems

ULC 304 Edition 4, 2025

Standard for Control Units, Accessories and Receiving Equipment for Intrusion Alarm Systems

ULC 3141 Edition 1, 2025

POWER CONTROL SYSTEMS

ULC 507 Edition 5, 2025

Standard for Water Fire Extinguishers

ULC 560 Edition 3, 2025

Standard for High-Performance and Aviation Foam Liquid Concentrates

ULC 573 Edition 1, 2025

Standard for Installation of Ancillary Devices Connected to Fire Alarm Systems

ULC 601 Edition 6, 2025

Standard for Shop Fabricated Steel Aboveground Tanks for Flammable and Combustible Liquids

ULC 636 Edition 4, 2025

Standard for Type BH Gas Venting Systems

ULC 642 Edition 3, 2025

Standard for Compounds and Tape for Threaded Pipe Joints

ULC 704.1 Edition 5, 2025

Standard for Thermal Insulation, Polyurethane and Polyisocyanurate, Boards, Faced

ULC 712.2 Edition 2, 2025

Standard for Thermal Insulation - Light Density, Open Cell Spray

Applied Semi-Rigid

Polyurethane Foam - Installation

ULC 741 Edition 1, 2025

Standard for Air Barrier Materials - Specification

ULC 742 Edition 2, 2025

Standard for Air Barrier Assemblies - Specification

ULC 801 Edition 2, 2025

Standard on Electric Utility Workplace Electrical Safety for Generation, Transmission, and Distribution

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn